

DỰ THẢO

ĐIỀU LỆ

Tổ chức và hoạt động của Tổng công ty Lương thực miền Bắc

(Ban hành kèm theo Nghị định số /2023/NĐ-CP

ngày.... tháng.... năm 2023 của Chính phủ)

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Giải thích từ ngữ

Trong Điều lệ này, các từ ngữ, thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. “Tổng công ty” là Công ty mẹ Tổng công ty Lương thực miền Bắc, được chuyển đổi thành công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước sở hữu 100% vốn điều lệ theo Quyết định số 982/QĐ-TTg ngày 25 tháng 6 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ.

2. “Đơn vị phụ thuộc” là các đơn vị hạch toán phụ thuộc nằm trong cơ cấu Tổng công ty, bao gồm: chi nhánh, văn phòng đại diện và đơn vị hạch toán phụ thuộc khác.

3. “Công ty con” là các doanh nghiệp thành viên mà Tổng công ty sở hữu hoặc nắm giữ cổ phần, vốn góp trên 50% vốn điều lệ; được tổ chức, hoạt động theo Luật Doanh nghiệp và các quy định của pháp luật có liên quan.

4. “Công ty liên kết” là các doanh nghiệp mà Tổng công ty sở hữu hoặc nắm giữ cổ phần, vốn góp từ 50% vốn điều lệ trở xuống; được tổ chức, hoạt động theo Luật Doanh nghiệp và các quy định pháp luật có liên quan.

5. “Công ty tự nguyện liên kết” là doanh nghiệp không có cổ phần, vốn góp của Tổng công ty nhưng tự nguyện trở thành thành viên liên kết với Tổng công ty, chịu sự ràng buộc nhất định về quyền và nghĩa vụ với Tổng công ty theo hợp đồng liên kết giữa công ty với Tổng công ty.

6. “Người đại diện phần vốn” là người do Tổng công ty cử làm đại diện một phần hoặc toàn bộ phần vốn của Tổng công ty đầu tư tại doanh nghiệp khác để thực hiện toàn bộ hoặc một số quyền, trách nhiệm và nghĩa vụ của cổ đông hoặc thành viên góp vốn tại doanh nghiệp khác theo quy định của pháp luật.

7. “Người quản lý doanh nghiệp” là người giữ chức danh, chức vụ tại Tổng công ty, bao gồm: Chủ tịch Hội đồng thành viên; thành viên Hội đồng thành viên; Tổng giám đốc; Phó Tổng giám đốc; Kế toán trưởng.

8. “Kiểm soát viên” là người thuộc quyền quản lý của cơ quan đại diện chủ sở hữu, được cơ quan đại diện chủ sở hữu bổ nhiệm, làm việc theo chế độ chuyên trách hoặc kiêm nhiệm.

9. Người đại diện chủ sở hữu trực tiếp tại Tổng công ty là cá nhân được cơ quan nhà nước có thẩm quyền bổ nhiệm vào Hội đồng thành viên để thực hiện quyền, trách nhiệm của đại diện chủ sở hữu tại Tổng công ty.

10. “Đầu tư vốn ra ngoài Tổng công ty” là hoạt động dùng vốn bằng tiền, tài sản, hàng hóa, hoặc thương hiệu của Tổng công ty để đầu tư, góp vốn vào doanh nghiệp khác ngoài Tổng công ty như góp vốn liên doanh, mua cổ phần, trái phiếu, đầu tư tăng vốn vào công ty con, công ty liên kết, công ty khác và các hình thức đầu tư khác theo quy định của pháp luật.

11. “Người có quan hệ gia đình” bao gồm: vợ, chồng, bố đẻ, mẹ đẻ, bố nuôi, mẹ nuôi, bố chồng, mẹ chồng, bố vợ, mẹ vợ, con đẻ, con nuôi, con rể, con dâu, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu, anh ruột của vợ, anh ruột của chồng, chị ruột của vợ, chị ruột của chồng, em ruột của vợ, em ruột của chồng.

Điều 2. Tên, địa chỉ, trụ sở chính Tổng công ty

1. Tên Tổng công ty

a) Tên bằng tiếng Việt Nam

Tên đầy đủ: TỔNG CÔNG TY LƯƠNG THỰC MIỀN BẮC – Công ty TNHH một thành viên

Tên viết tắt: TỔNG CÔNG TY LƯƠNG THỰC MIỀN BẮC

b) Tên bằng tiếng Anh

Tên đầy đủ: VIETNAM NORTHERN FOOD CORPORATION – COMPANY LIMITED

Tên viết tắt: VINAFOOD1

2. Loại hình doanh nghiệp: Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên.

3. Địa chỉ trụ sở chính: Số 6 phố Ngô Quyền, phường Lý Thái Tổ, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội.

Điện thoại: (024) 3926 4466

Fax: (024) 3926 4477

Email: vinafoodl@vinafoodl.com.vn

Website: vinafoodl.com.vn

4. Biểu tượng, Logo

VINAFOOD1

5. Các chi nhánh của Tổng công ty

- a) Chi nhánh Tổng công ty Lương thực miền Bắc tại Thành phố Hồ Chí Minh
Địa chỉ: Tòa nhà NNC, số 16Bis Nguyễn Đình Chiểu, phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh;
- b) Chi nhánh Chế biến và Xuất khẩu Lương thực Đồng Tháp – TCTLTMB
Địa chỉ: Tổ 58 Ấp Hòa Tân, xã Tân Hòa, huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp;
- c) Chi nhánh Tổng công ty Lương thực miền Bắc tại Sa Đéc tỉnh Đồng Tháp
Địa chỉ: 20/5B Ấp Tân Lợi B, xã Tân Quy Tây, Thị xã Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp;
- d) Chi nhánh Tây Bắc – Tổng công ty Lương thực miền Bắc
Địa chỉ: Đường Thuận Hải thôn Cốc Sấm 5, xã Phong Niên, huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai;
- đ) Chi nhánh Đầu tư và Phát triển vùng nguyên liệu Đồng bằng sông Cửu Long - TCTLTMB
Địa chỉ: Tòa nhà Petrol Việt Nam Landmark, số 69 Mai Chí Thọ, phường An Phú, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh;
- e) Trung tâm nghiên cứu và phát triển Gạo Việt
Địa chỉ: Tầng 18 Tòa nhà 169 Nguyễn Ngọc Vũ, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội;
- g) Tổng kho nông sản Vinafood 1 – Chi nhánh TCTLTMB
Địa chỉ: Lô số 9, Khu QHDC Đảo 1A Bắc Sông Hà Thanh, phường Đồng Đa, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định;
- h) Tổng kho An Giang – Chi nhánh TCTLTMB
Địa chỉ: Tổ 9 Ấp An Thạnh, xã Hòa An, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

Điều 3. Hình thức pháp lý và tư cách pháp nhân của Tổng công ty

1. Tổng công ty là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước đầu tư 100% vốn điều lệ, hoạt động theo mô hình công ty mẹ - công ty con, phù hợp với quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp, các quy định của pháp luật có liên quan và Điều lệ này.

2. Tổng công ty có

a) Tư cách pháp nhân, con dấu riêng, được mở tài khoản bằng tiền đồng Việt Nam và ngoại tệ tại ngân hàng trong nước, ngân hàng nước ngoài theo các quy định của pháp luật có liên quan và Điều lệ này;

b) Vốn và tài sản riêng, chịu trách nhiệm đối với các khoản nợ và các nghĩa vụ tài sản khác trong phạm vi số vốn điều lệ của mình; chịu trách nhiệm dân sự và thực hiện quyền, nghĩa vụ của chủ sở hữu đối với các công ty con, công ty liên kết trong phạm vi số vốn do Tổng công ty đầu tư;

c) Quyền chiếm hữu, sử dụng và định đoạt đối với tên gọi, thương hiệu, nhãn hiệu, biểu tượng, logo riêng của Tổng công ty theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Mục tiêu, chức năng, ngành, nghề kinh doanh

1. Mục tiêu

a) Kinh doanh lương thực, tham gia tiêu thụ lương thực hàng hóa của nông dân, góp phần bình ổn thị trường trong nước, xuất khẩu lương thực đảm bảo an ninh lương thực quốc gia, điều tiết kinh tế vĩ mô. Nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh và khả năng cạnh tranh, tạo chuỗi giá trị hàng hóa hình thành mô hình liên kết giữa sản xuất - chế biến - tiêu thụ, giữa doanh nghiệp với nông dân/diêm dân, tổ hợp tác, hợp tác xã, hiệp hội ngành hàng, đơn vị nghiên cứu khoa học để đảm bảo quy trình sản xuất, chế biến, tiêu thụ thống nhất và khép kín;

b) Tổ chức thu mua, tiêu thụ muối cho diêm dân, góp phần thực hiện an sinh xã hội; sản xuất muối, muối tinh và muối I-ốt; cung ứng cho thị trường và thực hiện chính sách cung cấp muối cho đồng bào dân tộc các tỉnh miền núi, vùng sâu và vùng xa theo nhiệm vụ được giao; tham gia bình ổn giá muối trên thị trường và an ninh về muối;

c) Kinh doanh có lãi, bảo toàn và phát triển vốn Nhà nước đầu tư tại Tổng công ty; hoàn thành nhiệm vụ Nhà nước giao.

2. Chức năng

Tổng công ty trực tiếp sản xuất, kinh doanh và đầu tư tài chính vào các công ty con, công ty liên kết; phối hợp, định hướng các hoạt động các công ty con, công ty liên kết theo tỷ lệ chiếm giữ vốn điều lệ tại các công ty đó theo quy định của pháp luật và Điều lệ này; quản lý khai thác có hiệu quả quỹ nhà, quỹ đất được Nhà nước giao hoặc cho thuê; tổ chức đảm bảo an ninh lương thực quốc gia, an ninh muối theo quy định của pháp luật; thực hiện các nhiệm vụ chính trị, kinh tế - xã hội theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.

3. Ngành, nghề kinh doanh

a) Tổng công ty kinh doanh những ngành, nghề sau:

TT	Tên ngành	Mã ngành
1	Bán buôn gạo: - Thu mua, bảo quản, bán buôn, dự trữ, lưu thông lương thực; - Xuất, nhập khẩu lương thực	4631
2	Bán buôn thực phẩm Chi tiết: - Thu mua, bảo quản, bán buôn, dự trữ, lưu thông thực phẩm; - Thu mua, bán buôn, xuất nhập khẩu muối; - Bán buôn rau quả	4632
3	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống Chi tiết: - Thu mua, bảo quản, bán buôn, dự trữ, lưu thông lương thực, nông sản; - Xuất nhập khẩu lương thực, nông sản; - Kinh doanh và xuất nhập khẩu các loại nguyên liệu, thành phẩm thức ăn chăn nuôi gia súc; - Nhập khẩu vật tư nguyên liệu phục vụ cho sản xuất kinh doanh lương thực.	4620
4	Xay xát và sản xuất bột thô Chi tiết: sản xuất, chế biến lương thực, nông sản	1061
5	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ lương thực, nông sản	4721
6	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: - Bán lẻ thực phẩm; - Bán lẻ rau, quả; - Bán lẻ muối.	4722
7	Khai thác muối Chi tiết: sản xuất muối	0893
8	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp Chi tiết: - Cung ứng các loại vật tư thiết bị chuyên dùng cho sản xuất kinh doanh của ngành lương thực, thực phẩm; - Nhập khẩu máy móc thiết bị phục vụ cho sản xuất, kinh doanh lương thực	4653

9	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Xuất nhập khẩu vật tư nông nghiệp, phân bón; - Thu mua, bán buôn, xuất nhập khẩu hóa chất làm muối.	4669
10	Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản Chi tiết: sản xuất các loại nguyên liệu, thành phẩm thức ăn chăn nuôi gia súc	1080
11	Tái chế phế liệu Chi tiết: Sản xuất, tái chế phế liệu, phụ phẩm của chế biến lúa gạo	3830
12	Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Sản xuất chế biến các loại bánh, kẹo; - Sản xuất, chế biến muối, hóa chất làm muối; - Sản xuất, tái chế phế liệu, phụ phẩm của chế biến muối; - Sản xuất, chế biến thực phẩm.	1079
13	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc lào chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp Chi tiết: Bán lẻ lương thực, thực phẩm, nông sản, đồ uống, rau quả, muối, hóa chất làm muối	4711
14	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác Chi tiết: Nhập khẩu phương tiện vận chuyển phục vụ cho sản xuất, kinh doanh lương thực	4511
15	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp Chi tiết: Bán lẻ lương thực, thực phẩm, nông sản, đồ uống, rau quả, muối, hóa chất làm muối	4719
16	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc lào lưu động hoặc tại chợ Chi tiết: Bán lẻ lương thực, thực phẩm, nông sản, đồ uống, rau quả, muối, hóa chất làm muối	4781
17	Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet Chi tiết: Bán lẻ lương thực, thực phẩm, nông sản, đồ uống, rau quả, muối, hóa chất làm muối	4791
18	Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Bán lẻ lương thực, thực phẩm, nông sản, đồ uống, rau quả, muối, hóa chất làm muối	4799
19	Sản xuất các loại bánh từ bột	1071

20	Sản xuất ca cao, sôcôla và mứt kẹo Chi tiết: Sản xuất kẹo	1073
21	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: Nhập khẩu máy móc thiết bị phục vụ cho sản xuất, kinh doanh lương thực	4659
22	Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa, cây cảnh	0118
23	Trồng cây ăn quả	0121
24	Hoạt động dịch vụ sau thu hoạch	0163
25	Chế biến và bảo quản rau quả	1030
26	Bán buôn đồ uống	4633
27	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh	4723
28	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Chi tiết: Tư vấn đầu tư xây dựng công trình chuyên ngành muối	7110
29	Sản xuất khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Sản xuất trấu ép viên và trấu ép ván	3290
30	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê Chi tiết: - Kinh doanh dịch vụ cho thuê văn phòng, cơ sở nhà đất hiện có của Tổng công ty; - Phát triển chuỗi trung tâm thương mại, siêu thị và cửa hàng tiện ích dựa trên việc quy hoạch sắp xếp lại và khai thác có hiệu quả các diện tích đất hiện có của Tổng công ty và các đơn vị thành viên	6810
31	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Kinh doanh dịch vụ xử lý vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật (Đối với các ngành nghề kinh doanh có điều kiện, Doanh nghiệp chỉ kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật)	8299

b) Ủy ban Quản lý vốn Nhà nước tại doanh nghiệp thực hiện việc điều chỉnh, bổ sung ngành nghề kinh doanh của Tổng công ty trong quá trình hoạt động.

4. Tổng công ty phải đăng ký, thông báo với cơ quan đăng ký kinh doanh khi thay đổi nội dung Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, ngành nghề, người đại diện quản lý phần vốn góp của Tổng Công ty và các nội

dung khác theo quy định pháp luật, chịu trách nhiệm đăng ký, thông báo thay đổi trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày có thay đổi.

Điều 5. Vốn điều lệ, điều chỉnh vốn điều lệ của Tổng công ty

1. Vốn điều lệ của Tổng công ty là 4.359.390.000.000 đồng (Bốn nghìn ba trăm năm mươi chín tỷ, ba trăm chín mươi triệu đồng chẵn).

2. Việc điều chỉnh lại mức vốn điều lệ của Tổng công ty thực hiện theo quy định của pháp luật.

Điều 6. Chủ sở hữu của Tổng công ty

Nhà nước là chủ sở hữu của Tổng công ty.

Chính phủ thống nhất tổ chức thực hiện quyền và nghĩa vụ của chủ sở hữu đối với Tổng công ty.

Ủy ban Quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp là cơ quan đại diện chủ sở hữu nhà nước đối với Tổng công ty, thực hiện các quyền, trách nhiệm của cơ quan đại diện chủ sở hữu nhà nước đối với Tổng công ty theo quy định của pháp luật.

Điều 7. Người đại diện theo pháp luật của Tổng công ty

1. Người đại diện theo pháp luật của Tổng công ty là Tổng giám đốc.

2. Trong trường hợp Người đại diện theo pháp luật của Tổng công ty vắng mặt tại Việt Nam quá 30 ngày mà không ủy quyền cho người khác thực hiện các quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp hoặc chết, mất tích, đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì cơ quan đại diện chủ sở hữu Tổng công ty cử người khác làm người đại diện theo pháp luật của Tổng công ty.

3. Người đại diện theo pháp luật có trách nhiệm

Thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm tối đa lợi ích hợp pháp của Nhà nước, chủ sở hữu và Tổng công ty;

Trung thành với lợi ích của Nhà nước, chủ sở hữu và Tổng công ty; không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của Tổng công ty để tư lợi hoặc phục vụ cho lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;

Thông báo kịp thời, đầy đủ và chính xác cho Tổng công ty về các doanh nghiệp mà mình làm chủ hoặc có cổ phần, phần vốn góp chi phối và doanh nghiệp mà người có liên quan của mình làm chủ, cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng cổ phần, phần vốn góp chi phối. Thông báo này được tập hợp và lưu giữ tại trụ sở chính của Tổng công ty, niêm yết tại trụ sở chính và các chi nhánh của Tổng công ty.

4. Người đại diện theo pháp luật của Tổng công ty chịu trách nhiệm cá nhân đối với thiệt hại cho Tổng công ty do vi phạm trách nhiệm quy định tại khoản 3 Điều này.

Điều 8. Quản lý nhà nước

1. Tổng công ty chịu sự quản lý nhà nước của cơ quan nhà nước các cấp theo quy định của pháp luật.

2. Tổng công ty thực hiện nghĩa vụ với địa phương nơi đặt trụ sở theo quy định của pháp luật.

Điều 9. Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội trong Tổng công ty

1. Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam trong Tổng công ty hoạt động theo Hiến pháp, pháp luật, Điều lệ của Đảng Cộng sản Việt Nam.

2. Các tổ chức chính trị - xã hội khác trong Tổng công ty hoạt động theo Hiến pháp, pháp luật và Điều lệ của tổ chức chính trị - xã hội đó phù hợp với quy định của pháp luật.

3. Tổng công ty tạo điều kiện thuận lợi về cơ sở vật chất, thời gian, điều kiện cần thiết khác để thành viên các tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội hoạt động theo quy định của pháp luật và Điều lệ của tổ chức đó.

Chương II CHỦ SỞ HỮU TỔNG CÔNG TY

Mục 1 QUYỀN, TRÁCH NHIỆM VÀ NGHĨA VỤ CỦA CHỦ SỞ HỮU NHÀ NƯỚC ĐỐI VỚI TỔNG CÔNG TY

Điều 10. Quyền của chủ sở hữu nhà nước đối với Tổng công ty

1. Quyết định thành lập, tổ chức lại, chuyển đổi sở hữu, giải thể và yêu cầu phá sản đối với Tổng công ty.

2. Quyết định chuyển giao vốn nhà nước tại Tổng công ty giữa cơ quan đại diện chủ sở hữu cho cơ quan đại diện chủ sở hữu khác hoặc doanh nghiệp có chức năng đầu tư và kinh doanh vốn nhà nước.

3. Quyết định nội dung Điều lệ tổ chức hoạt động, sửa đổi và bổ sung Điều lệ tổ chức hoạt động, Quy chế tài chính, Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát Tổng công ty.

4. Quyết định mức vốn điều lệ, điều chỉnh vốn điều lệ của Tổng công ty.

5. Quyết định tên gọi, mục tiêu, nhiệm vụ và ngành, nghề kinh doanh; mô hình hoạt động, cơ cấu tổ chức của Tổng công ty.

6. Quyết định chiến lược, kế hoạch sản xuất kinh doanh và kế hoạch đầu tư phát triển của Tổng công ty.

7. Quyết định đánh giá, quy hoạch, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, điều động, luân chuyển, chấp thuận từ chức, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật, nghỉ hưu đối với Hội đồng thành viên, Kiểm soát viên.

8. Quy định chế độ tuyển dụng, tiền lương, tiền thưởng; quyết định mức lương của Hội đồng thành viên, Kiểm soát viên.

9. Quy định cơ chế giao nhiệm vụ và tham gia thực hiện việc cung cấp và bảo đảm các sản phẩm thiết yếu của nền kinh tế theo quy định của pháp luật.

10. Phê duyệt báo cáo tài chính, phương án phân phối lợi nhuận, trích lập và sử dụng các quỹ hàng năm của Tổng công ty.

11. Phê duyệt chủ trương việc góp vốn, tăng giảm vốn góp, chuyển nhượng vốn đầu tư của Tổng công ty tại các doanh nghiệp khác; việc tiếp nhận doanh nghiệp khác trở thành công ty con, công ty liên kết của Tổng công ty.

12. Phê duyệt chủ trương phương án huy động vốn; dự án đầu tư, xây dựng, mua, bán, thanh lý tài sản cố định; phương án cho thuê, thế chấp, cầm cố tài sản của Tổng công ty.

13. Giám sát, kiểm tra, thanh tra việc quản lý, sử dụng, bảo toàn và phát triển vốn, thực hiện chiến lược, kế hoạch đầu tư phát triển, việc tuyển dụng lao động, thực hiện chế độ tiền lương, tiền thưởng của Tổng công ty; có ý kiến về việc giám sát, kiểm tra, thanh tra của cơ quan, tổ chức khác có thẩm quyền đối với hoạt động đầu tư, quản lý, sử dụng vốn nhà nước tại Tổng công ty.

14. Kiểm tra, giám sát việc thực hiện công bố thông tin của Tổng công ty.

15. Thực hiện các quyền khác theo quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 11. Nghĩa vụ của chủ sở hữu nhà nước đối với Tổng công ty

1. Đầu tư đủ vốn điều lệ cho Tổng công ty.
2. Thực hiện đúng các quy định tại Điều lệ Tổng công ty và quy định của pháp luật liên quan đến chủ sở hữu.
3. Chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Tổng công ty trong phạm vi số vốn điều lệ của Tổng công ty; xác định và tách biệt tài sản của chủ sở hữu nhà nước và tài sản của Tổng công ty.
4. Tuân thủ quy định của pháp luật về hợp đồng và pháp luật có liên quan trong việc mua bán, huy động vốn, thuê, cho thuê và các giao dịch khác của Tổng công ty. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi quyết định dự án đầu tư; phê duyệt chủ trương mua, bán, huy động vốn, thuê, cho thuê theo thẩm quyền.
5. Bảo đảm quyền tự chủ kinh doanh, tự chịu trách nhiệm theo pháp luật của Tổng công ty; không can thiệp trái pháp luật vào hoạt động kinh doanh của Tổng công ty.
6. Thực hiện các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

Mục 2

PHÂN CÔNG, PHÂN CẤP, THỰC HIỆN QUYỀN, TRÁCH NHIỆM VÀ NGHĨA VỤ CỦA CHỦ SỞ HỮU NHÀ NƯỚC ĐỐI VỚI TỔNG CÔNG TY

Điều 12. Quyền, trách nhiệm của Chính phủ

1. Ban hành Điều lệ tổ chức và hoạt động; sửa đổi, bổ sung và thay thế Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng công ty.
2. Thực hiện các quyền và trách nhiệm khác theo quy định của pháp luật.

Điều 13. Quyền, trách nhiệm của Thủ tướng Chính phủ

Trên cơ sở đề xuất của Ủy ban quản lý vốn Nhà nước tại doanh nghiệp và ý kiến của cơ quan có liên quan (nếu có) theo quy định, Thủ tướng Chính phủ:

1. Quyết định tổ chức lại, chuyển đổi sở hữu và sắp xếp lại Tổng công ty.
2. Quyết định mức vốn điều lệ, điều chỉnh vốn điều lệ của Tổng công ty trong quá trình hoạt động.
3. Quyết định chủ trương chuyển giao vốn nhà nước tại Tổng công ty giữa cơ quan đại diện chủ sở hữu cho cơ quan đại diện chủ sở hữu khác hoặc doanh nghiệp có chức năng đầu tư và kinh doanh vốn nhà nước.

4. Quyết định quy hoạch, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, điều động, luân chuyển, chấp thuận từ chức, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật, thôi việc, nghỉ hưu đối với Chủ tịch Hội đồng thành viên.

Thủ tướng Chính phủ bổ nhiệm Chủ tịch Hội đồng thành viên sau khi có ý kiến thống nhất của tập thể Ban cán sự Đảng Chính phủ.

5. Phê duyệt chiến lược, kế hoạch đầu tư phát triển và kế hoạch sản xuất, kinh doanh 05 năm của Tổng công ty.

6. Thực hiện các quyền và trách nhiệm khác theo quy định của pháp luật.

Điều 14. Quyền, trách nhiệm của Ủy ban Quản lý vốn Nhà nước tại doanh nghiệp.

Trên cơ sở đề nghị của Tổng công ty, Ủy ban Quản lý vốn Nhà nước tại doanh nghiệp:

1. Quyết định kế hoạch sản xuất kinh doanh và kế hoạch đầu tư phát triển hàng năm của Tổng công ty.

2. Quyết định ban hành Quy chế tài chính, Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát của Tổng công ty.

3. Quyết định quy hoạch, đánh giá Chủ tịch Hội đồng thành viên.

4. Quyết định đánh giá, quy hoạch, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, điều động, luân chuyển, chấp thuận từ chức, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật, thôi việc, nghỉ hưu đối với thành viên Hội đồng thành viên, Kiểm soát viên.

5. Quyết định tiền lương, thù lao, tiền thưởng và quyền lợi khác của Chủ tịch và thành viên Hội đồng thành viên, Trưởng ban Kiểm soát, Kiểm soát viên theo quy định. Quyết định quỹ tiền lương, thù lao, quỹ tiền thưởng thực hiện năm trước và quỹ tiền lương, thù lao kế hoạch của người quản lý công ty.

6. Phê duyệt chủ trương về việc thành lập, tổ chức lại, giải thể chi nhánh, văn phòng đại diện và các đơn vị hạch toán phụ thuộc của Tổng công ty.

7. Phê duyệt báo cáo tài chính, phương án phân phối lợi nhuận, trích lập và sử dụng các quỹ hàng năm của Tổng công ty.

8. Chấp thuận đề Chủ tịch, thành viên Hội đồng thành viên, Kiểm soát viên Tổng công ty ra nước ngoài công tác, học tập và các lý do hợp pháp khác.

9. Quy định cơ chế giao nhiệm vụ và tham gia thực hiện việc cung cấp và bảo đảm các sản phẩm thiết yếu của nền kinh tế theo quy định của pháp luật.

10. Phối hợp với các cơ quan có liên quan xây dựng và trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án tổng thể sắp xếp, đổi mới Tổng công ty theo quy định.

11. Thực hiện đánh giá kết quả hoạt động, hiệu quả hoạt động sản xuất, kinh doanh của Tổng công ty, đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ trong quản lý, điều hành của người quản lý Tổng công ty, kiểm soát viên theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất kinh doanh tại doanh nghiệp và quy định hướng dẫn của Chính phủ.

12. Đề xuất cơ quan chủ trì tham mưu, xây dựng và trình Chính phủ ban hành, sửa đổi, bổ sung Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng công ty.

13. Giám sát, kiểm tra, thanh tra việc quản lý, sử dụng, bảo toàn và phát triển vốn, thực hiện chiến lược, kế hoạch đầu tư phát triển, việc tuyển dụng lao động, thực hiện chế độ tiền lương, tiền thưởng, công bố thông tin của Tổng công ty; có ý kiến về việc giám sát, kiểm tra, thanh tra của cơ quan, tổ chức khác có thẩm quyền đối với hoạt động đầu tư, quản lý, sử dụng vốn nhà nước tại Tổng công ty.

14. Thực hiện các quyền khác theo quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 15. Quyền, trách nhiệm của Bộ Tài chính

1. Có ý kiến đối với các vấn đề quy định tại Điều 12; khoản 1, khoản 2, khoản 5 Điều 13 của Điều lệ này.

2. Có ý kiến về ban hành, sửa đổi, bổ sung Quy chế tài chính của Tổng công ty.

3. Thẩm định các khoản vay nợ nước ngoài có bảo lãnh Chính phủ của Tổng công ty theo quy định của pháp luật.

4. Thực hiện các quyền và trách nhiệm khác theo quy định của pháp luật.

Điều 16. Quyền, trách nhiệm của Bộ Kế hoạch và Đầu tư

1. Có ý kiến đối với các vấn đề quy định tại Điều 12; khoản 1, khoản 5 Điều 13 của Điều lệ này.

2. Thực hiện các quyền và trách nhiệm khác theo quy định của pháp luật.

Điều 17. Quyền, trách nhiệm của Bộ Nội vụ

1. Có ý kiến đối với các vấn đề quy định tại Điều 12; khoản 1, khoản 4 Điều 13 của Điều lệ này.

2. Thực hiện các quyền và trách nhiệm khác theo quy định của pháp luật.

Điều 18. Quyền, trách nhiệm của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội

1. Có ý kiến đối với các vấn đề quy định tại Điều 12; khoản 1 Điều 13 của Điều lệ này.

2. Thực hiện các quyền và trách nhiệm khác theo quy định của pháp luật.

Điều 19. Quyền, trách nhiệm của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

1. Có ý kiến đối với các vấn đề quy định tại Điều 12; khoản 1, khoản 5 Điều 13 của Điều lệ này.

2. Thực hiện các quyền và trách nhiệm khác theo quy định của pháp luật.

Chương III
BAN KIỂM SOÁT

Điều 20. Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát của Tổng công ty có từ 01 đến 03 Kiểm soát viên do Ủy ban Quản lý vốn Nhà nước tại doanh nghiệp quyết định lập và bổ nhiệm các kiểm soát viên. Nhiệm kỳ của Kiểm soát viên không quá 05 (năm) năm; Kiểm soát viên có thể được bổ nhiệm lại nhưng không quá 02 nhiệm kỳ liên tiếp.

2. Trường hợp Ban kiểm soát chỉ có 01 Kiểm soát viên thì Kiểm soát viên đó đồng thời là Trưởng Ban kiểm soát và phải đáp ứng tiêu chuẩn của Trưởng Ban kiểm soát.

Điều 21. Chế độ làm việc của Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát của Tổng công ty làm việc theo chế độ chuyên trách hoặc kiêm nhiệm; riêng Trưởng Ban kiểm soát phải làm việc chuyên trách tại Tổng công ty.

2. Trưởng Ban kiểm soát xây dựng kế hoạch công tác hằng tháng, hằng quý và hằng năm của Ban kiểm soát; phân công nhiệm vụ và công việc cụ thể cho từng thành viên. Nhiệm vụ cụ thể của Trưởng ban kiểm soát và các kiểm soát viên được quy định cụ thể tại Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát.

3. Các Kiểm soát viên chủ động thực hiện các nhiệm vụ và công việc được phân công; đề xuất, kiến nghị thực hiện các nhiệm vụ, công việc kiểm soát khác ngoài kế hoạch, ngoài phạm vi được phân công khi xét thấy cần thiết.

4. Ban kiểm soát định kỳ họp ít nhất mỗi tháng một lần để rà soát, đánh giá, thông qua báo cáo kết quả kiểm soát; thảo luận và thông qua kế hoạch hoạt động tiếp theo của Ban kiểm soát; thực hiện chế độ báo cáo Ủy ban Quản lý vốn Nhà nước tại doanh nghiệp theo quy định.

5. Quyết định của Ban kiểm soát được thông qua khi có đa số thành viên dự họp tán thành. Trường hợp có số phiếu ngang nhau thì nội dung có số phiếu tán thành của Trưởng ban kiểm soát hoặc người được Trưởng ban kiểm soát ủy quyền chủ trì cuộc họp là nội dung được thông qua. Các ý kiến khác với nội

dung quyết định đã được thông qua phải được ghi chép đầy đủ, chính xác và báo cáo Ủy ban Quản lý vốn Nhà nước tại doanh nghiệp.

Điều 22. Tiêu chuẩn, điều kiện của Kiểm soát viên

1. Có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh của Tổng công ty và có ít nhất 03 năm kinh nghiệm làm việc; Trưởng ban kiểm soát phải có ít nhất 05 năm kinh nghiệm làm việc.

2. Không được là người quản lý Tổng công ty và người quản lý tại doanh nghiệp khác; không được là Kiểm soát viên của doanh nghiệp không phải là doanh nghiệp nhà nước; không phải là người lao động của Công ty.

3. Không phải là người có quan hệ gia đình của người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu Ủy ban Quản lý vốn Nhà nước tại doanh nghiệp; thành viên Hội đồng thành viên; Tổng giám đốc; Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng; Kiểm soát viên khác của Tổng công ty.

4. Đủ sức khỏe để hoàn thành nhiệm vụ được giao.

5. Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định của pháp luật có liên quan và Ủy ban Quản lý vốn Nhà nước tại doanh nghiệp.

Điều 23. Quyền của Ban Kiểm soát

1. Tham gia các cuộc họp của Hội đồng thành viên, các cuộc họp của Ủy ban Quản lý vốn Nhà nước tại doanh nghiệp với Tổng công ty; có quyền chất vấn Hội đồng thành viên, thành viên Hội đồng thành viên và Tổng Giám đốc về các kế hoạch, dự án hay chương trình đầu tư phát triển và các quyết định khác trong quản lý, điều hành Tổng công ty.

2. Xem xét sổ sách kế toán, báo cáo, hợp đồng, giao dịch và tài liệu khác của công ty; kiểm tra công việc quản lý điều hành của Hội đồng thành viên và Tổng Giám đốc khi xét thấy cần thiết hoặc theo yêu cầu của Ủy ban Quản lý vốn Nhà nước tại doanh nghiệp.

3. Yêu cầu Hội đồng thành viên, thành viên Hội đồng thành viên, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và những người quản lý khác báo cáo, cung cấp thông tin trong phạm vi quản lý và hoạt động đầu tư, kinh doanh của Tổng công ty.

4. Yêu cầu người quản lý Tổng công ty báo cáo về thực trạng tài chính và kết quả kinh doanh của công ty con khi xét thấy cần thiết để thực hiện các nhiệm vụ theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

5. Đề nghị Ủy ban Quản lý vốn Nhà nước tại doanh nghiệp thành lập đơn vị thực hiện nhiệm vụ kiểm toán tham mưu và trực tiếp hỗ trợ Kiểm soát viên thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao.

6. Được sử dụng con dấu của Tổng công ty cho các văn bản, hồ sơ tài liệu thuộc phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Ban Kiểm soát.

7. Thực hiện các quyền khác quy định của pháp luật có liên quan và của Ủy ban Quản lý vốn Nhà nước tại doanh nghiệp.

Điều 24. Trách nhiệm, nghĩa vụ của Ban Kiểm soát

1. Trách nhiệm của Ban Kiểm soát:

a) Tuân thủ pháp luật, Điều lệ công ty, quyết định của Ủy ban Quản lý vốn Nhà nước tại doanh nghiệp và đạo đức nghề nghiệp trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao;

b) Thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất để bảo vệ lợi ích hợp pháp tối đa của Nhà nước và lợi ích hợp pháp của các bên tại Tổng công ty;

c) Trung thành với lợi ích của Nhà nước và Tổng công ty; không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;

d) Báo cáo kịp thời cho Ủy ban Quản lý vốn Nhà nước tại doanh nghiệp, đồng thời yêu cầu cá nhân đó chấm dứt hành vi vi phạm và khắc phục hậu quả trong trường hợp sau đây:

Phát hiện Hội đồng thành viên, Tổng giám đốc và người quản lý khác làm trái quy định về quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của họ hoặc có nguy cơ làm trái quy định đó.

Phát hiện hành vi vi phạm pháp luật, trái quy định Điều lệ công ty hoặc quy chế quản trị nội bộ của Tổng công ty;

đ) Trường hợp vi phạm trách nhiệm quy định tại Điều này mà gây thiệt hại cho Tổng công ty thì Ban Kiểm soát phải chịu trách nhiệm tập thể hoặc cá nhân và có thể phải liên đới bồi thường thiệt hại đó; tùy theo tính chất, mức độ vi phạm và thiệt hại còn có thể bị xử lý kỷ luật, xử phạt vi phạm hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật; hoàn trả lại cho Tổng công ty mọi thu nhập và lợi ích có được do vi phạm trách nhiệm quy định tại Điều này;

e) Trách nhiệm khác theo quy định của pháp luật có liên quan và của Ủy ban Quản lý vốn Nhà nước tại doanh nghiệp.

2. Nghĩa vụ của Ban Kiểm soát:

a) Xây dựng Kế hoạch công tác hằng năm, trình Ủy ban Quản lý vốn Nhà nước tại doanh nghiệp ban hành trong quý I; thực hiện theo Kế hoạch công tác năm được phê duyệt.

Đối với những trường hợp cần phải kiểm tra, giám sát đột xuất nhằm phát hiện sớm những sai sót của doanh nghiệp, Kiểm soát viên chủ động thực hiện, đồng thời báo cáo Ủy ban Quản lý vốn Nhà nước tại doanh nghiệp;

b) Giám sát việc tổ chức thực hiện chiến lược phát triển, kế hoạch kinh doanh;

c) Giám sát, đánh giá thực trạng hoạt động kinh doanh, thực trạng tài chính của Tổng công ty;

d) Giám sát và đánh giá việc thực hiện quyền, nghĩa vụ của Hội đồng thành viên, Chủ tịch Hội đồng thành viên; Tổng Giám đốc Tổng công ty;

đ) Giám sát, đánh giá hiệu lực và mức độ tuân thủ quy chế tài chính, quy chế chi tiêu nội bộ, quy chế quản lý nợ, quy chế hoạt động của các Ban chuyên môn, chi nhánh, quy chế trả lương, nâng lương, khen thưởng kỷ luật và các quy chế quản trị nội bộ khác;

e) Giám sát tính hợp pháp, tính hệ thống và trung thực trong công tác kế toán, sổ sách kế toán, trong nội dung báo cáo tài chính, các phụ lục và tài liệu liên quan;

g) Giám sát thực hiện các dự án đầu tư có giá trị lớn hơn 30% vốn chủ sở hữu hoặc lớn hơn mức vốn của dự án nhóm B theo phân loại quy định tại Luật Đầu tư công, hợp đồng, giao dịch mua, bán, giao dịch kinh doanh có giá trị lớn hơn 10% vốn chủ sở hữu hoặc theo yêu cầu của Ủy ban Quản lý vốn Nhà nước tại doanh nghiệp; giao dịch kinh doanh bất thường của Tổng công ty;

h) Giám sát hợp đồng, giao dịch của Tổng công ty với các bên có liên quan;

i) Lập và gửi báo cáo đánh giá, kiến nghị về nội dung quy định tại các điểm b, c, d, đ, e, g và h khoản này cho Ủy ban Quản lý vốn Nhà nước tại doanh nghiệp;

k) Thực hiện nghĩa vụ khác theo yêu cầu của Ủy ban Quản lý vốn Nhà nước tại doanh nghiệp.

Điều 25. Từ chức, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật đối với Kiểm soát viên

1. Kiểm soát viên bị xem xét từ chức, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật theo các quy định tại Nghị định số 159/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ về quản lý người giữ chức danh, chức vụ và người đại diện phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp.

2. Ngoài quy định tại khoản 1 Kiểm soát viên còn bị xem xét miễn nhiệm trong trường hợp không còn đủ tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định tại Điều 22 của Điều lệ này.

Điều 26. Tiền lương và lợi ích khác của Ban Kiểm soát

1. Tiền lương, thù lao, tiền thưởng của Ban Kiểm soát do Ủy ban Quản lý vốn Nhà nước tại doanh nghiệp quyết định theo quy định theo pháp luật về tiền lương thù lao, tiền thưởng đối với người quản lý công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ và quy chế của Tổng công ty.

Điều kiện làm việc, định mức chi phí công tác và các chi phí hoạt động khác của Ban Kiểm soát tối thiểu bằng Phó Tổng Giám đốc hoặc thành viên Hội đồng thành viên; được tính vào chi phí kinh doanh của doanh nghiệp và được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hàng năm của doanh nghiệp.

2. Trưởng Ban Kiểm soát và Kiểm soát viên chuyên trách được hưởng chế độ phúc lợi, ưu đãi và tham gia các hoạt động xã hội, đoàn thể của Tổng công ty như cán bộ công nhân viên và người lao động của Tổng công ty.

Chương IV QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA TỔNG CÔNG TY

Điều 27. Quyền và nghĩa vụ của Tổng công ty đối với vốn và tài sản

1. Quyền đối với vốn và tài sản:

a) Chiếm hữu, sử dụng vốn và tài sản của Tổng công ty để kinh doanh, nhằm đạt được các lợi ích hợp pháp từ vốn và tài sản của Tổng công ty theo quy định của pháp luật;

b) Được sử dụng vốn, tài sản thuộc quyền quản lý của Tổng công ty để đầu tư ra ngoài theo quy định của pháp luật về đầu tư;

Việc đầu tư ra ngoài doanh nghiệp phải xin ý kiến chủ sở hữu và tuân thủ quy định của pháp luật và phù hợp với ngành nghề kinh doanh chính, không ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp và đảm bảo có hiệu quả, bảo toàn và phát triển vốn đầu tư;

c) Tổng công ty không được sử dụng vốn tài sản, tiền vốn, quyền sử dụng đất giao hoặc thuê để góp vốn hoặc đầu tư vào lĩnh vực bất động sản, không được góp vốn, mua cổ phần tại ngân hàng, công ty bảo hiểm, công ty chứng khoán, quỹ đầu tư mạo hiểm, quỹ đầu tư chứng khoán, công ty chứng khoán và công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán trừ những trường hợp theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ trên cơ sở đề nghị của Ủy ban Quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp;

d) Tổng công ty thực hiện các quyền của chủ sở hữu, cổ đông, thành viên góp vốn tại các công ty liên doanh, liên kết theo quy định;

đ) Tổng công ty thực hiện các quyền khác đối với vốn và tài sản theo quy định của pháp luật.

2. Nghĩa vụ đối với vốn và tài sản:

a) Bảo toàn và phát triển vốn Nhà nước đầu tư tại Tổng công ty, vốn Tổng công ty tự huy động;

b) Chịu trách nhiệm về các khoản nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Tổng công ty trong phạm vi số tài sản của Tổng công ty;

c) Quản lý và sử dụng các tài sản, nguồn lực được Nhà nước giao, cho thuê là đất đai, tài nguyên theo quy định của pháp luật về đất đai, tài nguyên;

d) Định kỳ đánh giá lại tài sản của Tổng công ty theo quy định của pháp luật; trong đó, định kỳ 05 (năm) năm đánh giá lại tài sản đối với tài sản là đất đai của Tổng công ty theo quy định của pháp luật;

đ) Tổng công ty không được mang vốn, tài sản cho công ty con, công ty cổ phần, công ty liên danh liên kết hay cá nhân vay, mượn;

e) Việc đầu tư ra ngoài doanh nghiệp phải xin ý kiến chủ sở hữu và tuân thủ quy định của pháp luật;

g) Tổng công ty không được sử dụng vốn tài sản, tiền vốn, quyền sử dụng đất giao hoặc thuê để góp vốn hoặc đầu tư vào lĩnh vực bất động sản, không được góp vốn, mua cổ phần tại ngân hàng, công ty bảo hiểm, công ty chứng khoán, quỹ đầu tư mạo hiểm, quỹ đầu tư chứng khoán, công ty chứng khoán và công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán trừ những trường hợp theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ trên cơ sở đề nghị của Ủy ban Quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp;

h) Tổng công ty không được sử dụng tài sản do doanh nghiệp đang đi thuê hoạt động, đi mượn, nhận giữ hộ, nhận gia công, nhận bán đại lý, ký gửi để đầu tư ra ngoài doanh nghiệp và đi thế chấp, cầm cố;

i) Thực hiện các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

Điều 28. Quyền và nghĩa vụ của Tổng công ty trong sản xuất, kinh doanh

1. Quyền trong sản xuất, kinh doanh

a) Chủ động tổ chức sản xuất, kinh doanh theo kế hoạch; tổ chức bộ máy quản lý, lao động theo yêu cầu kinh doanh và đảm bảo kinh doanh có hiệu quả;

b) Kinh doanh những ngành, nghề, lĩnh vực quy định tại khoản 3 Điều 4 Nghị định này và các ngành, nghề khác theo quyết định của chủ sở hữu, mở

rộng quy mô kinh doanh theo khả năng, nhu cầu của thị trường trong, ngoài nước phù hợp với quy định của pháp luật;

c) Tìm kiếm thị trường, khách hàng trong và ngoài nước và ký kết hợp đồng; quyết định việc phối hợp các nguồn lực, hợp tác kinh doanh của Tổng công ty và các doanh nghiệp khác theo yêu cầu của thị trường, phù hợp với quy định của pháp luật;

d) Quyết định giá mua, giá bán sản phẩm, dịch vụ, trừ những sản phẩm, dịch vụ công ích và những sản phẩm, dịch vụ do Nhà nước định giá;

đ) Quyết định sử dụng vốn, tài sản của Tổng công ty để liên doanh, liên kết, góp vốn vào doanh nghiệp khác; thuê, mua một phần hoặc toàn bộ công ty khác trong nước và ngoài nước theo quy định của pháp luật;

e) Tổ chức lựa chọn nhà thầu theo quy định của pháp luật về đấu thầu;

g) Quyết định đầu tư thành lập mới, tổ chức lại, giải thể, chuyển đổi sở hữu công ty con là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên theo quy định của pháp luật, sau khi được cấp có thẩm quyền phê duyệt chủ trương,

h) Quyết định thành lập, tổ chức lại, giải thể các đơn vị phụ thuộc của Tổng công ty ở trong nước và nước ngoài theo quy định của pháp luật, sau khi được cấp có thẩm quyền phê duyệt chủ trương;

i) Cùng với các nhà đầu tư khác thành lập công ty con mới hoặc công ty liên kết ở trong nước hoặc ở ngoài nước dưới các hình thức công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần, công ty có vốn đầu tư nước ngoài theo quy định của pháp luật, sau khi được cấp có thẩm quyền chấp thuận;

k) Quyết định từng phương án huy động vốn; dự án đầu tư, xây dựng; mua, bán tài sản cố định; phương án cho thuê, thế chấp, cầm cố tài sản; dự án đầu tư ra ngoài Tổng công ty theo quy định của Luật Doanh nghiệp;

l) Tuyển chọn, ký kết hợp đồng lao động; bố trí, sử dụng, đào tạo, khen thưởng, kỷ luật, chấm dứt hợp đồng lao động; lựa chọn hình thức trả lương, thưởng cho người lao động trên cơ sở hiệu quả sản xuất kinh doanh và các quy định của pháp luật;

m) Xây dựng, ban hành và áp dụng các tiêu chuẩn, quy trình, định mức kinh tế - kỹ thuật, định mức lao động, đơn giá tiền lương và chi phí khác trên cơ sở bảo đảm hiệu quả kinh doanh và phù hợp với quy định của pháp luật;

n) Chủ động ứng dụng khoa học và công nghệ để nâng cao hiệu quả kinh doanh và khả năng cạnh tranh;

o) Từ chối yêu cầu cung cấp nguồn lực không theo quy định của pháp luật;

p) Có các quyền sản xuất, kinh doanh khác theo nhu cầu thị trường và phù hợp với quy định của pháp luật.

2. Nghĩa vụ trong sản xuất, kinh doanh

a) Kinh doanh đúng ngành, nghề đã đăng ký; đáp ứng đủ điều kiện kinh doanh khi kinh doanh ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện theo quy định của Luật Đầu tư và bảo đảm duy trì đủ điều kiện đầu tư kinh doanh đó trong suốt quá trình hoạt động kinh doanh;

b) Xây dựng chiến lược phát triển, kế hoạch 05 năm, kế hoạch hàng năm, các phương án đầu tư, kinh doanh phù hợp với nhu cầu của thị trường và mục tiêu, nhiệm vụ Nhà nước giao;

c) Tổ chức và thực hiện các biện pháp nhằm bảo đảm hoạt động sản xuất, kinh doanh có hiệu quả; tham gia bình ổn giá lương thực trên thị trường nội địa, góp phần đảm bảo an ninh lương thực quốc gia theo quy định của Chính phủ;

d) Đổi mới, hiện đại hóa công nghệ và phương thức quản lý để nâng cao hiệu quả và năng lực cạnh tranh;

đ) Chấp hành các quy định của Nhà nước có liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh của Tổng công ty về quốc phòng, an ninh quốc gia, trật tự an toàn xã hội, bảo vệ tài nguyên môi trường, di tích - di sản văn hóa;

e) Thực hiện nghĩa vụ về đạo đức kinh doanh để bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp của khách hàng và người tiêu dùng. Bảo đảm và chịu trách nhiệm về chất lượng hàng hóa, dịch vụ theo tiêu chuẩn do pháp luật quy định hoặc tiêu chuẩn đã đăng ký hoặc công bố;

g) Thực hiện việc huy động vốn; dự án đầu tư, xây dựng, mua, bán, thanh lý tài sản cố định; phương án cho thuê, thế chấp, cầm cố tài sản; dự án đầu tư ra ngoài của Tổng công ty theo đúng chủ trương được phê duyệt và quy định của pháp luật;

h) Thực hiện chế độ báo cáo thống kê, định kỳ báo cáo các thông tin về hoạt động và tài chính của Tổng công ty với các cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật;

i) Chịu sự kiểm tra, kiểm toán, kiểm soát của chủ sở hữu; tuân thủ các quy định về thanh tra của cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật;

k) Chịu trách nhiệm trước chủ sở hữu về sử dụng vốn để đầu tư thành lập công ty con, công ty liên kết;

l) Chịu sự giám sát của cơ quan đại diện chủ sở hữu trong việc thực hiện các quy định về thang bảng lương, đơn giá tiền lương, chế độ tiền lương đối với người quản lý và người lao động. Bảo đảm quyền và lợi ích của người lao động, quyền tham gia quản lý Tổng công ty của người lao động theo quy định của pháp luật;

m) Thực hiện các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và được Nhà nước giao.

Điều 29. Quyền và nghĩa vụ của Tổng công ty về tài chính

1. Quyền về tài chính

a) Huy động vốn để kinh doanh dưới hình thức phát hành trái phiếu doanh nghiệp; vay vốn của tổ chức tín dụng và các tổ chức tài chính khác; vay vốn của người lao động và các hình thức huy động vốn khác theo quy định của pháp luật.

Việc huy động vốn phục vụ sản xuất, kinh doanh theo nguyên tắc tự chịu trách nhiệm hoàn trả, bảo đảm hiệu quả sử dụng vốn huy động, không được làm thay đổi hình thức sở hữu Tổng công ty và phải bảo đảm tổng số nợ phải trả bao gồm cả các khoản bảo lãnh đối với công ty con quy định tại khoản 4 Điều 23 Luật Doanh nghiệp không quá 3 lần vốn chủ sở hữu của Tổng công ty được ghi trên Báo cáo tài chính quý hoặc Báo cáo tài chính năm của Tổng công ty tại thời điểm gần nhất với thời điểm huy động vốn;

b) Chủ động sử dụng vốn cho hoạt động kinh doanh của Tổng công ty; được sử dụng và quản lý các quỹ đặc thù của Tổng công ty theo quy định của pháp luật và phù hợp với ngành, lĩnh vực kinh doanh chính.

Chuyển nhượng, thanh lý, cho thuê, thế chấp, cầm cố tài sản thuộc thẩm quyền của Tổng công ty trên nguyên tắc bảo toàn phát triển vốn theo quy định của pháp luật;

c) Quyết định trích khấu hao tài sản cố định theo nguyên tắc mức trích khấu hao tối thiểu phải bảo đảm bù đắp hao mòn hữu hình, hao mòn vô hình của tài sản cố định và không thấp hơn tỷ lệ trích khấu hao tối thiểu theo quy định;

d) Được hưởng các chế độ trợ cấp, trợ giá, lãi suất cho vay ưu đãi hoặc các chế độ ưu đãi khác của Nhà nước khi thực hiện các nhiệm vụ chính trị, hoạt động công ích, quốc phòng, an ninh, an ninh lương thực, an ninh muối, phòng chống thiên tai hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ theo chính sách giá của Nhà nước không đủ bù đắp chi phí sản xuất sản phẩm, dịch vụ này của Tổng công ty theo quy định của pháp luật;

đ) Được chi thưởng sáng kiến đổi mới, cải tiến kỹ thuật, quản lý và công nghệ; thưởng tăng năng suất lao động; thưởng tiết kiệm vật tư và chi phí theo quy định của pháp luật. Các khoản tiền thưởng này được hạch toán vào chi phí kinh doanh của Tổng công ty theo quy định của pháp luật;

e) Được hưởng các chế độ ưu đãi đầu tư, tái đầu tư theo quy định của pháp luật; thực hiện quyền chủ sở hữu đối với phần vốn đã đầu tư vào các công ty con và các doanh nghiệp khác;

g) Lợi nhuận của Tổng công ty sau khi bù đắp lỗ năm trước theo quy định của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp, trích Quỹ phát triển khoa học và công nghệ theo quy định của pháp luật, nộp thuế thu nhập doanh nghiệp, phần lợi

nhuận còn lại sau khi trích lập các quỹ theo quy định được nộp về ngân sách nhà nước;

h) Có các quyền khác về tài chính theo quy định của pháp luật.

2. Nghĩa vụ về tài chính của Tổng công ty

a) Tự chủ về tài chính, tự cân đối về các khoản thu, chi; kinh doanh có hiệu quả; đăng ký kê khai và nộp đủ thuế; thực hiện nghĩa vụ đối với chủ sở hữu và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật;

b) Quản lý, sử dụng có hiệu quả: vốn kinh doanh bao gồm cả phần vốn đầu tư vào công ty con và công ty liên kết; tài nguyên, đất đai và các nguồn lực khác do Nhà nước giao, cho thuê;

c) Sử dụng vốn và các nguồn lực khác để thực hiện các nhiệm vụ đặc biệt, nhiệm vụ chính trị khi cơ quan nhà nước có thẩm quyền có văn bản yêu cầu;

d) Chấp hành đầy đủ chế độ quản lý vốn, tài sản, các quỹ, chế độ hạch toán kế toán, kiểm toán theo quy định của pháp luật; chịu trách nhiệm về tính trung thực và hợp pháp đối với các hoạt động tài chính của Tổng công ty;

đ) Thực hiện chế độ báo cáo tài chính, công khai tài chính hàng năm và cung cấp các thông tin cần thiết để đánh giá trung thực về hiệu quả hoạt động của Tổng công ty;

e) Thực hiện các nghĩa vụ khác được quy định tại Quy chế tài chính của Tổng công ty và quy định khác của pháp luật.

Chương V

TỔ CHỨC QUẢN LÝ, ĐIỀU HÀNH CỦA TỔNG CÔNG TY

Điều 30. Cơ cấu tổ chức quản lý của Tổng công ty

1. Cơ cấu quản lý, điều hành và kiểm soát của Tổng công ty gồm có:

- a) Hội đồng thành viên;
- b) Ban Kiểm soát;
- c) Tổng giám đốc.

2. Bộ máy giúp việc: bao gồm các Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và các Ban chuyên môn nghiệp vụ.

Trong quá trình hoạt động, cơ cấu quản lý và bộ máy giúp việc của Tổng công ty có thể được thay đổi để phù hợp với yêu cầu hoạt động sản xuất kinh doanh và các hoạt động khác của Tổng công ty theo quy định.

Mục 1

HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN

Điều 31. Cơ cấu, chức năng Hội đồng thành viên

1. Hội đồng thành viên Tổng công ty là đại diện trực tiếp của chủ sở hữu tại Tổng công ty; Hội đồng thành viên Tổng công ty thực hiện các quyền và nghĩa vụ của chủ sở hữu giao và có quyền nhân danh Tổng công ty thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Tổng công ty quy định tại Điều lệ này và các quy định của pháp luật.

2. Hội đồng thành viên chịu trách nhiệm trước pháp luật và chủ sở hữu về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao theo quy định tại Điều lệ này và pháp luật có liên quan.

3. Các thành viên Hội đồng thành viên cùng chịu trách nhiệm trước chủ sở hữu và pháp luật về mọi nghị quyết và quyết định của Hội đồng thành viên, trừ thành viên biểu quyết không tán thành các nghị quyết, quyết định này; thực hiện các nghĩa vụ theo quy định tại Điều lệ này, Luật Doanh nghiệp và các văn bản pháp luật có liên quan.

4. Hội đồng thành viên không quá 07 thành viên, gồm Chủ tịch Hội đồng thành viên và các thành viên Hội đồng thành viên. Ủy ban Quản lý vốn Nhà nước tại doanh nghiệp quyết định cơ cấu, số lượng thành viên Hội đồng thành viên theo quy mô và đặc điểm sản xuất, kinh doanh của Tổng công ty trong quá trình hoạt động.

5. Nhiệm kỳ của Chủ tịch, thành viên Hội đồng thành viên không quá 05 năm. Chủ tịch, thành viên Hội đồng thành viên có thể được bổ nhiệm lại nhưng không quá 2 nhiệm kỳ trừ trường hợp đã có trên 15 (mười lăm) năm làm việc liên tục tại Tổng công ty trước khi được bổ nhiệm lần đầu.

6. Thành viên Hội đồng thành viên không được kiêm các chức danh quản lý của Tổng công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 7 Điều này.

7. Trừ Chủ tịch Hội đồng thành viên, thành viên khác của Hội đồng thành viên có thể kiêm Tổng giám đốc Tổng công ty hoặc Tổng Giám đốc/Giám đốc doanh nghiệp khác không phải là doanh nghiệp thành viên của Tổng công ty theo quyết định của Ủy ban Quản lý vốn Nhà nước tại doanh nghiệp.

Điều 32. Quyền và trách nhiệm của Hội đồng thành viên

1. Hội đồng thành viên Tổng công ty quyết định thành lập, tổ chức lại, giải thể chi nhánh, văn phòng đại diện và các đơn vị hoạch toán phụ thuộc của Tổng công ty sau khi được Ủy ban Quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp phê duyệt chủ trương.

2. Hội đồng thành viên Tổng công ty quyết định sau khi có ý kiến phê duyệt của Ủy ban Quản lý vốn Nhà nước tại doanh nghiệp:

a) Góp vốn, tăng giảm vốn góp, chuyển nhượng vốn đầu tư của Tổng công ty tại các doanh nghiệp khác; việc tiếp nhận doanh nghiệp khác trở thành công ty con, công ty liên kết của Tổng công ty;

b) Phương án huy động vốn đối với từng dự án có mức huy động trên 50% vốn chủ sở hữu được ghi trên báo cáo tài chính quý hoặc báo cáo tài chính năm của Tổng công ty tại thời điểm gần nhất với thời điểm huy động vốn nhưng không quá mức vốn của dự án nhóm B theo quy định của Luật Đầu tư công;

c) Từng dự án đầu tư, xây dựng, mua, bán tài sản cố định với giá trị lớn hơn 50% vốn chủ sở hữu được ghi trên báo cáo tài chính quý hoặc báo cáo tài chính năm của Tổng công ty tại thời điểm gần nhất với thời điểm quyết định dự án nhưng không quá mức vốn của dự án nhóm B theo quy định của Luật Đầu tư công;

d) Từng hợp đồng cho thuê, thế chấp, cầm cố tài sản có giá trị trên 50% vốn chủ sở hữu được ghi trong báo cáo tài chính quý hoặc báo cáo tài chính năm của doanh nghiệp tại thời điểm gần nhất với thời điểm quyết định cho thuê, thế chấp, cầm cố tài sản nhưng giá trị còn lại của tài sản cho thuê, thế chấp, cầm cố không quá mức vốn của dự án nhóm B theo quy định của Luật Đầu tư công;

đ) Từng dự án đầu tư ra ngoài doanh nghiệp với giá trị lớn hơn 50% vốn chủ sở hữu được ghi trên báo cáo tài chính quý hoặc báo cáo tài chính năm của Tổng công ty tại thời điểm gần nhất với thời điểm quyết định dự án nhưng không quá mức vốn của dự án nhóm B theo quy định của Luật Đầu tư công”;

e) Phương án thanh lý, nhượng bán tài sản có giá trị còn lại lớn hơn 50% vốn chủ sở hữu ghi trên bảng cân đối kế toán trong báo cáo tài chính quý hoặc báo cáo tài chính năm của Tổng công ty tại thời điểm gần nhất với thời điểm quyết định thanh lý, nhượng bán tài sản nhưng không quá mức dự án nhóm B theo quy định của Luật Đầu tư công;

g) Quy hoạch, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, điều động, luân chuyển, chấp thuận từ chức, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật, nghỉ hưu đối với Tổng Giám đốc;

h) Bổ nhiệm Phó Tổng giám đốc;

i) Quỹ tiền lương của Người lao động trong Tổng công ty.

3. Hội đồng thành viên Tổng công ty quyết định:

a) Quy hoạch, bổ nhiệm lại, điều động, luân chuyển, chấp thuận từ chức, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật, nghỉ hưu đối với Phó Tổng Giám đốc;

b) Quy hoạch, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, điều động, luân chuyển, chấp thuận từ chức, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật, nghỉ hưu đối với Kế toán trưởng;

c) Đánh giá, xếp loại chất lượng hàng năm đối với Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng;

d) Phê duyệt chủ trương để Tổng Giám đốc Tổng công ty thực hiện quy hoạch, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, điều động, luân chuyển, chấp thuận từ chức, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật, nghỉ hưu đối với Trưởng các ban chuyên môn, Trưởng các đơn vị phụ thuộc và tương đương;

đ) Cử người đại diện phần vốn góp của Tổng công ty tại doanh nghiệp khác;

e) Chấp thuận để Tổng Giám đốc, Phó tổng giám đốc, Kế toán trưởng ra nước ngoài công tác, học tập và các lý do hợp pháp khác;

g) Cơ cấu, số lượng các ban chuyên môn nghiệp vụ; số lượng biên chế, chức năng nhiệm vụ của các ban chuyên môn nghiệp vụ và tương đương;

h) Kế hoạch sử dụng lao động hằng năm của Tổng công ty;

i) Phê duyệt các quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật áp dụng trong Tổng công ty;

k) Các giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và chuyển giao công nghệ; xây dựng và sử dụng thương hiệu, nhãn hiệu; phân công chuyên môn hóa, hợp tác, tiếp cận và chia sẻ thông tin, thị trường, nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ của Tổng công ty;

l) Thực hiện sắp xếp, đổi mới doanh nghiệp trên cơ sở Đề án tổng thể đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt;

m) Chịu trách nhiệm quản lý Tổng công ty tuân thủ đúng quy định của pháp luật, bảo toàn phát triển vốn có hiệu quả; báo cáo Ủy ban Quản lý vốn Nhà nước tại doanh nghiệp kết quả và tình hình hoạt động kinh doanh của Tổng công ty, đồng thời báo cáo kịp thời cho chủ sở hữu về việc Tổng công ty hoạt động thua lỗ, không bảo đảm khả năng thanh toán, không hoàn thành mục tiêu, nhiệm vụ do chủ sở hữu giao hoặc những trường hợp sai phạm khác;

o) Phương án thanh lý, nhượng bán tài sản có giá trị còn lại lớn hơn 50% vốn chủ sở hữu ghi trên bảng cân đối kế toán trong báo cáo tài chính quý hoặc báo cáo tài chính năm của Tổng công ty tại thời điểm gần nhất với thời điểm quyết định thanh lý, nhượng bán tài sản nhưng không quá mức dự án nhóm B theo quy định của Luật Đầu tư công.

4. Hội đồng thành viên quyết định hoặc phân cấp cho Tổng Giám đốc Tổng công ty quyết định:

a) Ban hành các quy chế quản lý nội bộ của Tổng công ty (Quy chế Công bố thông tin; Quy chế hoạt động của người đại diện theo ủy quyền đối với phần vốn góp của Tổng công ty đầu tư tại doanh nghiệp khác; Quy chế hoạt động của các phòng ban, đơn vị trực thuộc; Quy chế chi tiêu nội bộ, Quy chế tiền lương; Quy chế phối hợp...);

b) Phương án huy động vốn đối với từng dự án có mức huy động không quá 50% vốn chủ sở hữu được ghi trên báo cáo tài chính quý hoặc báo cáo tài chính năm của Tổng công ty tại thời điểm gần nhất với thời điểm huy động vốn nhưng không quá mức vốn của dự án nhóm B theo quy định của Luật Đầu tư công;

c) Từng dự án đầu tư, xây dựng, mua, bán tài sản cố định với giá trị không quá 50% vốn chủ sở hữu được ghi trên báo cáo tài chính quý hoặc báo cáo tài chính năm của Tổng công ty tại thời điểm gần nhất với thời điểm quyết định dự án nhưng không quá mức vốn của dự án nhóm B theo quy định của Luật Đầu tư công;

d) Từng hợp đồng cho thuê, thế chấp, cầm cố tài sản có giá trị dưới 50% vốn chủ sở hữu được ghi trong báo cáo tài chính quý hoặc báo cáo tài chính năm của doanh nghiệp tại thời điểm gần nhất với thời điểm quyết định cho thuê, thế chấp, cầm cố tài sản nhưng giá trị còn lại của tài sản cho thuê, thế chấp, cầm cố không quá mức vốn của dự án nhóm B theo quy định của Luật Đầu tư công;

đ) Từng dự án đầu tư ra ngoài doanh nghiệp với giá trị không quá 50% vốn chủ sở hữu được ghi trên báo cáo tài chính quý hoặc báo cáo tài chính năm của Tổng công ty tại thời điểm gần nhất với thời điểm quyết định dự án nhưng không quá mức vốn của dự án nhóm B theo quy định của Luật Đầu tư công;

e) Kiểm tra, giám sát hoạt động của các đơn vị phục thuộc; các công ty con, công ty liên kết của Tổng công ty. Việc giám sát, đánh giá hiệu quả hoạt động của các công con thuộc Tổng công ty.

5. Thực hiện quyền khác theo quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 33. Nghĩa vụ của Hội đồng thành viên

1. Tuân thủ Điều lệ Tổng công ty, các quyết định của chủ sở hữu Tổng công ty và quy định của pháp luật.

2. Thực hiện quyền và nghĩa vụ một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm tối đa lợi ích hợp pháp của Tổng công ty và chủ sở hữu.

3. Trung thành với lợi ích của Tổng công ty và chủ sở hữu; không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.

4. Thông báo kịp thời, đầy đủ, chính xác cho Tổng công ty về doanh nghiệp mà mình làm chủ hoặc có cổ phần, phần vốn góp chi phối và doanh nghiệp mà người có liên quan của mình làm chủ, cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng cổ phần, phần vốn góp chi phối. Thông báo này được tập hợp và lưu giữ tại trụ sở chính của Tổng công ty.

5. Chấp hành nghị quyết của Hội đồng thành viên.

6. Chỉ đạo cung cấp tài liệu cần thiết phục vụ cho việc kiểm tra, giám sát và Tổng công ty phải chịu trách nhiệm về sự đúng đắn, trung thực, chính xác và hợp pháp của tài liệu, số liệu đã cung cấp.

7. Không được đề người có quan hệ gia đình của mình giữ các chức danh thành viên Hội đồng thành viên, Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng, Kiểm soát viên Tổng công ty.

8. Chịu trách nhiệm cá nhân khi thực hiện các hành vi sau đây:

a) Lợi dụng danh nghĩa công ty thực hiện hành vi vi phạm pháp luật;

b) Tiến hành kinh doanh hoặc giao dịch khác không nhằm phục vụ lợi ích của công ty và gây thiệt hại cho tổ chức, cá nhân khác;

c) Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn khi nguy cơ rủi ro tài chính có thể xảy ra đối với Tổng công ty.

9. Trường hợp phát hiện có thành viên Hội đồng thành viên vi phạm trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao thì Hội đồng thành viên hoặc các thành viên khác có trách nhiệm báo cáo bằng văn bản với Ủy ban Quản lý vốn Nhà nước tại doanh nghiệp và yêu cầu thành viên vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm, khắc phục hậu quả.

10. Thực hiện các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 34. Chủ tịch Hội đồng thành viên

1. Chủ tịch Hội đồng thành viên do Thủ tướng Chính phủ bổ nhiệm sau khi có ý kiến thống nhất của tập thể Ban cán sự Đảng Chính phủ.

2. Chủ tịch Hội đồng thành viên có các quyền và nhiệm vụ sau đây:

a) Thay mặt Hội đồng thành viên ký nhận vốn, đất đai, tài nguyên và các nguồn lực khác do chủ sở hữu giao Tổng công ty. Thay mặt Hội đồng thành viên ký các quyết định của Hội đồng thành viên;

b) Xây dựng kế hoạch hoạt động hằng tháng, quý và hằng năm của Hội đồng thành viên;

c) Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu cuộc họp Hội đồng thành viên hoặc để lấy ý kiến các thành viên Hội đồng thành viên;

d) Triệu tập và chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng thành viên hoặc tổ chức việc lấy ý kiến các thành viên Hội đồng thành viên;

đ) Tổ chức thực hiện quyết định của chủ sở hữu và nghị quyết của Hội đồng thành viên;

e) Thay mặt Hội đồng thành viên hoặc ủy quyền cho các thành viên khác của Hội đồng thành viên ký các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng thành viên;

g) Giám sát hoặc tổ chức giám sát việc thực hiện các Nghị quyết, quyết định của Hội đồng thành viên; có quyền yêu cầu đình chỉ các quyết định của Tổng Giám đốc Tổng công ty trái với Nghị quyết, quyết định của Hội đồng thành viên;

h) Tổ chức việc thực hiện các quyền của Hội đồng thành viên theo quy định tại Điều lệ này;

i) Chủ tịch Hội đồng thành viên có nhiệm vụ và quyền khác theo quy định.

3. Trường hợp vắng mặt, Chủ tịch Hội đồng thành viên ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên thực hiện các quyền và nhiệm vụ của Chủ tịch Hội đồng thành viên.

4. Tổ chức công bố, công khai thông tin của Tổng công ty hoặc ủy quyền cho một cá nhân trong Tổng công ty thực hiện nội dung này.

5. Chủ tịch Hội đồng thành viên có trách nhiệm giải trình và chịu trách nhiệm trước Ủy ban Quản lý vốn Nhà nước tại doanh nghiệp về việc chậm trễ hoặc không ký các quyết định của Hội đồng thành viên.

Điều 35. Chế độ làm việc của Hội đồng thành viên

1. Hội đồng thành viên làm việc theo chế độ tập thể. Chủ tịch Hội đồng thành viên triệu tập cuộc họp ít nhất một lần trong một tháng để xem xét và quyết định những vấn đề thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng thành viên. Đối với những vấn đề không yêu cầu thảo luận thì Chủ tịch Hội đồng thành viên có thể lấy ý kiến các thành viên bằng văn bản.

2. Hội đồng thành viên có thể họp bất thường để giải quyết những vấn đề cấp bách theo yêu cầu của Ủy ban Quản lý vốn Nhà nước tại doanh nghiệp, theo đề nghị của Chủ tịch Hội đồng thành viên hoặc Tổng Giám đốc hoặc trên 50% tổng số thành viên Hội đồng thành viên đề nghị bằng văn bản.

Trường hợp Chủ tịch Hội đồng thành viên không triệu tập họp bất thường để giải quyết các công việc cấp bách của Tổng công ty theo đề nghị của Tổng giám đốc hoặc của hơn 50% tổng số thành viên của Hội đồng thành viên thì các thành viên có quyền triệu tập cuộc họp của Hội đồng thành viên. Nếu Chủ tịch Hội đồng thành viên không chủ trì cuộc họp thì các thành viên yêu cầu triệu tập họp có thể cử một thành viên của Hội đồng thành viên chủ trì cuộc họp.

3. Chủ tịch Hội đồng thành viên hoặc thành viên được Chủ tịch Hội đồng thành viên ủy quyền có trách nhiệm chuẩn bị chương trình, nội dung tài liệu, triệu tập, chủ trì cuộc họp Hội đồng thành viên. Các thành viên có quyền kiến

nghị nội dung đưa vào chương trình cuộc họp trước ngày khai mạc 01 ngày làm việc. Trường hợp kiến nghị đệ trình ngay trước cuộc họp thì phải được 2/3 số thành viên dự họp trở lên chấp thuận.

Chương trình, nội dung và tài liệu họp Hội đồng thành viên phải được gửi đến các thành viên Hội đồng thành viên và các đại biểu được mời họp (nếu có) trước ngày họp ít nhất là 03 ngày làm việc, trường hợp họp bất thường phải gửi trước ít nhất 01 ngày làm việc.

Nội dung và các tài liệu họp liên quan đến việc kiến nghị sửa đổi, bổ sung Điều lệ Tổng công ty; thông qua phương hướng phát triển Tổng công ty; tổ chức lại hoặc giải thể Tổng công ty phải được gửi đến các thành viên trước ngày họp ít nhất là 05 ngày làm việc.

4. Thông báo mời họp có thể bằng giấy mời, điện thoại, fax hoặc các phương tiện điện tử khác (nếu có) và được gửi trực tiếp đến từng thành viên Hội đồng thành viên và đại biểu khác (nếu có). Nội dung thông báo mời họp phải xác định rõ thời gian, địa điểm và chương trình họp. Hình thức họp trực tuyến có thể áp dụng khi cần thiết.

5. Cuộc họp Hội đồng thành viên họp lệ khi có ít nhất hai phần ba tổng số thành viên Hội đồng thành viên tham dự. Mỗi thành viên có một phiếu biểu quyết giá trị ngang nhau. Nghị quyết Hội đồng thành viên được thông qua khi có hơn một nửa tổng số thành viên tham dự biểu quyết tán thành.

Trường hợp có số phiếu ngang nhau thì nội dung có phiếu tán thành của Chủ tịch Hội đồng thành viên hoặc người được Chủ tịch Hội đồng thành viên ủy quyền chủ trì cuộc họp là nội dung được thông qua. Thành viên Hội đồng thành viên có quyền bảo lưu ý kiến nhưng vẫn phải chấp hành nghị quyết, quyết định của Hội đồng thành viên và báo cáo Ủy ban Quản lý vốn Nhà nước tại doanh nghiệp.

6. Trường hợp lấy ý kiến các thành viên Hội đồng thành viên bằng văn bản thì Nghị quyết Hội đồng thành viên được thông qua khi có hơn một nửa tổng số thành viên Hội đồng thành viên tán thành.

7. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng thành viên có hiệu lực kể từ ngày được thông qua hoặc từ ngày có hiệu lực ghi trong nghị quyết, quyết định, trừ trường hợp phải được Ủy ban Quản lý vốn Nhà nước tại doanh nghiệp chấp thuận.

8. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng thành viên có tính bắt buộc thi hành trong Tổng công ty. Trường hợp Tổng giám đốc có ý kiến khác với nghị quyết, quyết định của Hội đồng thành viên, Tổng giám đốc có quyền bảo lưu ý kiến và phải báo cáo Ủy ban Quản lý vốn Nhà nước tại doanh nghiệp. Trong

thời gian chưa có ý kiến hoặc quyết định của Ủy ban Quản lý vốn Nhà nước tại doanh nghiệp, Tổng giám đốc phải chấp hành nghị quyết, quyết định của Hội đồng thành viên.

9. Căn cứ vào nội dung và chương trình cuộc họp, khi xét thấy cần thiết, Hội đồng thành viên có thể mời đại diện cơ quan, tổ chức có liên quan tham dự và thảo luận các vấn đề cụ thể trong chương trình cuộc họp. Đại diện cơ quan, tổ chức được mời dự họp có quyền phát biểu ý kiến nhưng không tham gia biểu quyết. Các ý kiến phát biểu của đại diện được mời dự họp được ghi đầy đủ vào biên bản của cuộc họp.

10. Nội dung các vấn đề thảo luận, các ý kiến phát biểu, kết quả biểu quyết, các Nghị quyết được Hội đồng thành viên thông qua và kết luận của các cuộc họp Hội đồng thành viên phải được ghi biên bản. Chủ tọa và thư ký cuộc họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính chính xác và tính trung thực của biên bản họp Hội đồng thành viên. Biên bản họp Hội đồng thành viên phải được thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Biên bản phải bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Thời gian, địa điểm, mục đích, chương trình họp; danh sách thành viên dự họp; vấn đề được thảo luận và biểu quyết; tóm tắt ý kiến phát biểu của thành viên, đại diện được mời dự họp về từng vấn đề thảo luận;

b) Số phiếu biểu quyết tán thành và không tán thành đối với trường hợp không áp dụng phương thức bỏ phiếu trắng; số phiếu biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với trường hợp áp dụng phương thức bỏ phiếu trắng;

c) Các quyết định được thông qua;

d) Họ, tên, chữ ký của thành viên dự họp.

11. Sổ biên bản, biên bản được lập và các nghị quyết, quyết định của Hội đồng thành viên phải lưu giữ tại trụ sở chính của Tổng công ty, thời hạn lưu giữ thực hiện theo quy định của pháp luật về văn thư lưu trữ.

12. Thành viên Hội đồng thành viên có quyền yêu cầu Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và người quản lý Tổng công ty cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động của Tổng công ty theo quy chế thông tin do Hội đồng thành viên quy định hoặc theo Nghị quyết Hội đồng thành viên. Người được yêu cầu cung cấp thông tin phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng thành viên, trừ trường hợp Hội đồng thành viên có quyết định khác.

13. Hội đồng thành viên sử dụng bộ máy quản lý, điều hành, bộ phận giúp việc của Tổng công ty để thực hiện nhiệm vụ của mình.

14. Chi phí hoạt động của Hội đồng thành viên, tiền lương, phụ cấp và thù lao được tính vào chi phí quản lý Tổng công ty.

15. Trường hợp cần thiết, Hội đồng thành viên tổ chức việc lấy ý kiến chuyên gia tư vấn trong nước và nước ngoài trước khi quyết định vấn đề quan trọng thuộc thẩm quyền của Hội đồng thành viên. Chi phí lấy ý kiến chuyên gia tư vấn được quy định tại Quy chế tài chính của Tổng công ty.

16. Các quy định và chế độ làm việc khác của Hội đồng thành viên theo Quy chế hoạt động của Hội đồng thành viên Tổng công ty và quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 36. Tiêu chuẩn và các điều kiện của thành viên Hội đồng thành viên.

Chủ tịch Hội đồng thành viên và thành viên Hội đồng thành viên phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

1. Không thuộc một trong các đối tượng quy định sau:

a) Là cán bộ, công chức, viên chức theo quy định của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức;

b) Người quản lý trong doanh nghiệp nhà nước sở hữu 100% vốn điều lệ khác;

c) Bị hạn chế năng lực hành vi dân sự; người bị mất năng lực hành vi dân sự; người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi;

d) Đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, hoặc đang bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định; các trường hợp khác theo quy định của Luật Phá sản, Luật Phòng, chống tham nhũng.

2. Là công dân Việt Nam; thường trú tại Việt Nam.

3. Đủ sức khỏe để hoàn thành nhiệm vụ được giao.

4. Có trình độ đại học trở lên, có kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề hoạt động của Tổng công ty. Chủ tịch Hội đồng thành viên phải có ít nhất là 03 năm kinh nghiệm quản lý, điều hành doanh nghiệp thuộc ngành, nghề kinh doanh chính của Tổng công ty.

5. Không phải là người có quan hệ gia đình của người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu Ủy ban Quản lý vốn Nhà nước tại doanh nghiệp; thành viên Hội đồng thành viên; Tổng Giám đốc, Phó Tổng giám đốc và Kế toán trưởng của Tổng công ty; Kiểm soát viên Tổng công ty.

6. Không phải là người quản lý doanh nghiệp thành viên.

7. Chưa từng bị cách chức Chủ tịch Hội đồng thành viên, thành viên Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty, Giám đốc, Phó giám đốc hoặc Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc của doanh nghiệp nhà nước.

8. Các tiêu chuẩn, điều kiện khác theo quy định của Đảng, pháp luật có liên quan và Ủy ban Quản lý vốn Nhà nước tại doanh nghiệp.

Điều 37. Tù chức, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật thành viên Hội đồng thành viên

1. Thành viên Hội đồng thành viên bị xem xét tù chức, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật theo các quy định tại Nghị định số 159/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ về quản lý người giữ chức danh, chức vụ và người đại diện phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp.

2. Ngoài quy định tại khoản 1 thành viên Hội đồng thành viên còn bị xem xét miễn nhiệm trong trường hợp không còn đủ tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định tại Điều 36 của Điều lệ này.

Mục 2
TỔNG GIÁM ĐỐC

Điều 38. Tổng giám đốc

1. Tổng giám đốc điều hành hoạt động hằng ngày của Tổng công ty theo mục tiêu, kế hoạch và các nghị quyết, quyết định của Hội đồng thành viên, phù hợp với Điều lệ của Tổng công ty và quy định của pháp luật; chịu trách nhiệm trước pháp luật, chủ sở hữu và Hội đồng thành viên về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao.

2. Tổng giám đốc là thành viên Hội đồng thành viên.

3. Tổng giám đốc do Hội đồng thành viên Tổng công ty bổ nhiệm sau khi văn bản chấp thuận của Ủy ban Quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp.

4. Nhiệm kỳ của Tổng Giám đốc là 05 (năm) năm; Tổng Giám đốc có thể được bổ nhiệm lại nhưng không quá 02 nhiệm kỳ, trừ trường hợp đã có trên 15 năm làm việc liên tục tại Tổng công ty trước khi được bổ nhiệm lần đầu.

5. Tổng giám đốc không được kiêm nhiệm các chức danh quản lý tại các doanh nghiệp thành viên Tổng công ty và các doanh nghiệp khác.

Điều 39. Nhiệm vụ, quyền hạn của Tổng giám đốc

1. Tổ chức thực hiện và đánh giá kết quả thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng thành viên, của Ủy ban Quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp.

2. Tổ chức thực hiện và đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch, phương án kinh doanh, kế hoạch đầu tư của Tổng công ty.

3. Lập và trình Hội đồng thành viên Tổng công ty báo cáo định kỳ hằng quý, hằng năm về kết quả thực hiện mục tiêu kế hoạch kinh doanh; báo cáo tài chính.

4. Quyết định các vấn đề liên quan đến hoạt động kinh doanh của Tổng công ty.

5. Ban hành quy chế quản lý nội bộ; tiêu chuẩn, định mức của Tổng công ty theo thẩm quyền hoặc được phân cấp của Hội đồng thành viên.

6. Quyết định phương án huy động vốn; dự án đầu tư, xây dựng, mua, bán, thanh lý tài sản cố định; phương án cho thuê, thế chấp, cầm cố tài sản; dự án đầu tư ra ngoài của Tổng công ty theo thẩm quyền hoặc được phân cấp, ủy quyền của Hội đồng thành viên.

7. Ký kết hợp đồng, giao dịch nhân danh Tổng công ty, trừ trường hợp thuộc thẩm quyền của Hội đồng thành viên.

8. Quyết định quy hoạch, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, điều động, luân chuyển, chấp thuận từ chức, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật, nghỉ hưu đối với Trưởng các Ban chuyên môn, Trưởng các đơn vị phụ thuộc và tương đương sau khi được Hội đồng thành viên chấp thuận bằng văn bản;

9. Quyết định quy hoạch, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, điều động, luân chuyển, chấp thuận từ chức, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật, nghỉ hưu đối với Phó các phòng ban chuyên môn, Phó các đơn vị phụ thuộc và tương đương.

10. Đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của Trưởng, Phó các Ban chuyên môn, Trưởng, Phó các đơn vị phụ thuộc và tương đương.

11. Tuyển dụng lao động trên cơ sở kế hoạch sử dụng lao động hằng năm được Hội đồng thành viên chấp thuận. Bố trí sử dụng lao động theo yêu cầu hoạt động sản xuất, kinh doanh của Tổng công ty; quyết định mức lương, trợ cấp, lợi ích cho người lao động và các điều khoản khác có liên quan đến hợp đồng lao động được ký kết với người lao động.

12. Được áp dụng các biện pháp cần thiết vượt thẩm quyền trong trường hợp khẩn cấp và phải báo cáo ngay với Hội đồng thành viên và các cơ quan nhà nước có thẩm quyền ngay sau khi thực hiện.

13. Kiến nghị phương án tổ chức lại Tổng công ty khi thấy cần thiết.

14. Kiến nghị phân bổ và sử dụng lợi nhuận sau thuế; kiến nghị phương án xử lý lỗ trong kinh doanh và các nghĩa vụ tài chính khác của Tổng công ty; thực hiện công bố công khai các báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật.

15. Nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định của pháp luật.

Điều 40. Nghĩa vụ, trách nhiệm của Tổng giám đốc

1. Tuân thủ pháp luật, Điều lệ, Nghị quyết, quyết định của Hội đồng thành viên trong việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao.

2. Thực hiện các quyền được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của Tổng công ty.

3. Trung thành với lợi ích của Tổng công ty; không sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của Tổng công ty; lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng tài sản của Tổng công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.

4. Thông báo kịp thời, đầy đủ và chính xác cho Tổng công ty về các doanh nghiệp mà Tổng Giám đốc và người có quan hệ gia đình làm chủ hoặc có cổ phần, phần vốn góp. Thông báo này được niêm yết tại trụ sở chính và Chi nhánh của Tổng công ty.

5. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Tổng công ty thực hiện các hành vi vi phạm pháp luật; tiến hành kinh doanh hoặc giao dịch khác không nhằm phục vụ lợi ích của Tổng công ty và gây thiệt hại cho người khác; thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước nguy cơ tài chính có thể xảy ra đối với Tổng công ty.

7. Khi Tổng công ty không có khả năng thanh toán đủ các nghĩa vụ tài chính đến hạn phải trả thì Tổng Giám đốc phải báo cáo Hội đồng thành viên để có biện pháp khắc phục khó khăn về tài chính.

8. Trường hợp Tổng Giám đốc vi phạm Điều lệ Tổng công ty, quyết định vượt thẩm quyền, lợi dụng chức vụ, quyền hạn gây thiệt hại cho Tổng công ty và chủ sở hữu thì phải chịu trách nhiệm cá nhân và phải bồi thường thiệt hại theo quy định của pháp luật.

9. Không được để người có quan hệ gia đình của mình giữ các chức danh thành viên Hội đồng thành viên, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng, Kiểm soát viên của Tổng công ty.

10. Có trách nhiệm cung cấp tài liệu cần thiết phục vụ cho việc kiểm tra, giám sát và phải chịu trách nhiệm về sự đúng đắn, trung thực, chính xác và hợp pháp của tài liệu, số liệu đã cung cấp.

11. Thực hiện nghĩa vụ và trách nhiệm khác theo quy định của pháp luật liên quan và của Ủy ban Quản lý vốn Nhà nước tại doanh nghiệp.

Điều 41. Tiêu chuẩn và điều kiện của Tổng giám đốc

1. Không thuộc một trong các đối tượng quy định sau:

a) Không là cán bộ, công chức, viên chức theo quy định của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức;

b) Người quản lý trong doanh nghiệp nhà nước sở hữu 100% vốn điều lệ khác;

c) Bị hạn chế năng lực hành vi dân sự; người bị mất năng lực hành vi dân sự; người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi;

d) Đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, hoặc đang bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định; các trường hợp khác theo quy định của Luật Phá sản, Luật Phòng, chống tham nhũng.

2. Thường trú tại Việt Nam.

3. Đủ sức khỏe để hoàn thành nhiệm vụ được giao.

4. Có trình độ đại học trở lên; có ít nhất 03 năm kinh nghiệm quản lý, điều hành doanh nghiệp thuộc ngành, nghề kinh doanh chính của Tổng công ty.

5. Không phải là người có quan hệ gia đình của người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu cơ quan đại diện chủ sở hữu; thành viên Hội đồng thành viên; Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng của công ty; Kiểm soát viên công ty.

6. Chưa từng bị cách chức Chủ tịch Hội đồng thành viên, thành viên Hội đồng thành viên, Chủ tịch công ty, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc, Phó giám đốc hoặc Phó Tổng giám đốc tại công ty hoặc ở doanh nghiệp nhà nước khác.

7. Không được kiêm Giám đốc hoặc Tổng giám đốc của doanh nghiệp khác.

8. Các tiêu chuẩn, điều kiện khác quy định của Đảng, pháp luật có liên quan và của Ủy ban Quản lý vốn Nhà nước tại doanh nghiệp.

Điều 42. Từ chức, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật đối với Tổng Giám đốc Tổng Công ty

1. Tổng giám đốc bị xem xét từ chức, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật theo các quy định tại Nghị định số 159/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ về quản lý người giữ chức danh, chức vụ và người đại diện phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp.

2. Ngoài quy định tại khoản 1 Tổng giám đốc còn bị xem xét miễn nhiệm trong trường hợp không còn đủ tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định tại Điều 41 của Điều lệ này.

Mục 3

BỘ MÁY GIÚP VIỆC

Điều 43. Phó Tổng giám đốc

1. Tổng công ty có không quá 05 Phó Tổng giám đốc do Hội đồng thành viên quyết định bổ nhiệm sau khi được Ủy ban Quản lý vốn Nhà nước tại doanh nghiệp phê duyệt chủ trương.

Trường hợp cần bổ sung thêm số lượng Phó Tổng giám đốc, Hội đồng thành viên báo cáo Ủy ban Quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp xem xét, quyết định.

2. Nhiệm kỳ của Phó Tổng giám đốc là 05 năm và có thể được bổ nhiệm lại theo yêu cầu hoạt động của Tổng công ty và đề nghị của Tổng giám đốc.

Phó Tổng giám đốc được kiêm nhiệm các chức danh: Chủ tịch Hội đồng thành viên, Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành viên, thành viên Hội đồng quản trị, Chủ tịch công ty ở doanh nghiệp thành viên, nhưng không quá 03 doanh nghiệp.

3. Các Phó Tổng giám đốc giúp việc cho Tổng giám đốc trong quản lý, điều hành Tổng công ty theo sự phân công, ủy quyền của Tổng giám đốc; chịu trách nhiệm trước Tổng giám đốc và trước pháp luật về nhiệm vụ được phân công hoặc ủy quyền. Việc ủy quyền có liên quan đến việc ký kết hợp đồng hoặc liên quan tới việc sử dụng con dấu của Tổng công ty đều phải thực hiện bằng văn bản, nêu rõ nội dung ủy quyền và thời hạn ủy quyền.

4. Tiêu chuẩn, quyền hạn, nghĩa vụ cụ thể của Phó Tổng Giám đốc được quy định tại Quy chế nội bộ của Tổng công ty.

Điều 44. Kế toán trưởng

1. Kế toán trưởng do Hội đồng thành viên Tổng công ty quyết định bổ nhiệm. Nhiệm kỳ của Kế toán trưởng là 05 năm và có thể được bổ nhiệm lại theo yêu cầu hoạt động của Tổng công ty và đề nghị của Tổng giám đốc.

2. Kế toán trưởng có nhiệm vụ tổ chức thực hiện công tác kế toán của Tổng công ty; giúp Tổng công ty giám sát tài chính tại Tổng công ty theo pháp luật về tài chính, kế toán; chịu trách nhiệm trước Tổng giám đốc, Hội đồng thành viên và pháp luật về nhiệm vụ được phân công hoặc ủy quyền.

3. Tiêu chuẩn, quyền hạn và trách nhiệm của Kế toán trưởng áp dụng theo Luật Kế toán và Quy chế nội bộ của Tổng công ty.

Điều 45. Văn Phòng, ban chuyên môn, nghiệp vụ

1. Văn phòng, ban chuyên môn, nghiệp vụ của Tổng công ty có chức năng tham mưu, giúp việc cho Hội đồng thành viên, Tổng giám đốc trong quản lý, điều hành hoạt động của Tổng công ty, thực hiện công việc theo sự phân công của Tổng giám đốc; chịu trách nhiệm trực tiếp chỉ đạo, điều hành, kiểm tra, giám sát về mặt nghiệp vụ chuyên môn đối với các đơn vị thành viên thuộc Tổng công ty theo lĩnh vực chuyên môn, nghiệp vụ.

2. Hội đồng thành viên quyết định cơ cấu, biên chế, số lượng, chức năng, nhiệm vụ của Văn phòng, ban chuyên môn, nghiệp vụ phù hợp với nhu cầu hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty và quy định của pháp luật theo đề nghị của Tổng giám đốc.

3. Nhiệm vụ cụ thể của Văn phòng, ban chuyên môn, nghiệp vụ và cán bộ chuyên môn, nghiệp vụ giúp việc chuyên trách cho Hội đồng thành viên được quy định tại Quy chế quản lý nội bộ của Tổng công ty do Tổng giám đốc xây dựng trình Hội đồng thành viên phê duyệt.

4. Trong quá trình hoạt động, Tổng giám đốc có quyền đề nghị Hội đồng thành viên thay đổi cơ cấu, biên chế, số lượng, chức năng và nhiệm vụ của Văn phòng, ban chuyên môn, nghiệp vụ cho phù hợp với nhu cầu hoạt động kinh doanh của Tổng công ty và quy định của pháp luật.

Điều 46. Chi nhánh, văn phòng đại diện và địa điểm kinh doanh

1. Chi nhánh là đơn vị hạch toán phụ thuộc của Tổng công ty, có nhiệm vụ thực hiện toàn bộ hoặc một phần chức năng của Tổng công ty kể cả chức năng đại diện theo ủy quyền. Ngành, nghề kinh doanh của chi nhánh phải phù hợp với ngành, nghề kinh doanh của Tổng công ty.

2. Văn phòng đại diện là đơn vị hạch toán phụ thuộc của Tổng công ty có nhiệm vụ đại diện theo ủy quyền cho lợi ích của Tổng công ty và bảo vệ các lợi ích đó. Tổ chức và hoạt động của văn phòng đại diện theo quy định của pháp luật.

3. Địa điểm kinh doanh là nơi hoạt động kinh doanh cụ thể của Tổng công ty. Địa điểm kinh doanh có thể ở ngoài địa chỉ đăng ký trụ sở chính.

4. Chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh do Hội đồng thành viên quyết định thành lập, giải thể theo quy định của Điều lệ này và pháp luật có liên quan.

5. Chi nhánh, văn phòng đại diện và địa điểm kinh doanh của Tổng công ty hoạt động theo quy chế do Hội đồng thành viên phê duyệt theo đề nghị của Tổng giám đốc Tổng công ty.

6. Giám đốc các đơn vị phụ thuộc phải tự chịu trách nhiệm trước Tổng công ty và pháp luật về việc quản lý vốn, tài sản được giao và kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh theo sự phân cấp đã được Tổng công ty quy định.

7. Tổng công ty chịu trách nhiệm về các nghĩa vụ tài chính phát sinh đối với các cam kết của các đơn vị trực thuộc Tổng công ty.

8. Hội đồng thành viên, Tổng giám đốc chịu trách nhiệm về hoạt động sản xuất, kinh doanh, kiểm tra, giám sát việc thực hiện Quy chế tài chính và các nội dung thuộc trách nhiệm quản lý đã phân cấp cho Giám đốc đơn vị phụ thuộc theo quy định của pháp luật.

Mục 4

CÁC MỐI QUAN HỆ

Điều 47. Mối quan hệ giữa Tổng công ty, chủ sở hữu và cơ quan quản lý nhà nước

Tổng công ty có nghĩa vụ thực hiện:

1. Chấp hành pháp luật, thực hiện nghiêm túc các quy định nhà nước có liên quan đến Tổng công ty.

2. Thực hiện quy hoạch, chiến lược phát triển Tổng công ty trong tổng thể quy hoạch, chiến lược phát triển ngành, lãnh thổ. Thực hiện các nhiệm vụ đặc biệt, nhiệm vụ công ích do Chính phủ, cơ quan thuộc Chính phủ giao.

3. Thực hiện các định mức kinh tế - kỹ thuật, tiêu chuẩn, sản phẩm, chất lượng sản phẩm phù hợp với tiêu chuẩn cấp ngành, cấp quốc gia liên quan.

4. Thực hiện các quy định về bảo vệ tài nguyên môi trường.

5. Thực hiện các quan hệ về đối ngoại, xuất nhập khẩu.

6. Bảo đảm thực hiện các quyền lợi, nghĩa vụ với người lao động theo quy định của pháp luật.

7. Công ty chịu sự kiểm tra, giám sát của các cơ quan nhà nước về những lĩnh vực thuộc chức năng đã được pháp luật quy định.

Điều 48. Mối quan hệ giữa Hội đồng thành viên và Tổng Giám đốc về quản lý, điều hành Tổng công ty

1. Khi tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng thành viên nếu phát hiện vấn đề không có lợi cho Tổng công ty thì Tổng Giám đốc báo cáo với Hội đồng thành viên để xem xét điều chỉnh lại quyết định. Trường hợp Hội đồng thành viên không điều chỉnh lại quyết định thì Tổng Giám đốc có thể

báo cáo Ủy ban Quản lý vốn Nhà nước tại doanh nghiệp, nhưng vẫn phải thực hiện quyết định của Hội đồng thành viên.

2. Tổng Giám đốc lập và gửi báo cáo bằng văn bản về tình hình hoạt động kinh doanh hàng tháng, quý, năm và phương hướng thực hiện trong kỳ tới của Tổng công ty cho Hội đồng thành viên; có trách nhiệm báo cáo đột xuất về các vấn đề quản trị, tổ chức quản lý và điều hành của Tổng công ty theo yêu cầu của Hội đồng thành viên.

3. Trong một số trường hợp Tổng Giám đốc có quyền đề nghị triệu tập họp Hội đồng thành viên và những vấn đề xin ý kiến Hội đồng thành viên.

4. Hội đồng thành viên có quyền tham dự hoặc cử đại diện của Hội đồng thành viên tham dự các cuộc họp giao ban, các cuộc họp chuẩn bị các đề án trình Hội đồng thành viên Tổng Giám đốc chủ trì. Hội đồng thành viên hoặc người đại diện Hội đồng thành viên có quyền phát biểu đóng góp ý kiến nhưng Tổng Giám đốc là người kết luận cuộc họp.

5. Khi Tổng công ty không thanh toán đủ các khoản nợ và các nghĩa vụ tài sản khác đến hạn phải trả thì Tổng Giám đốc phải báo cáo Hội đồng thành viên tìm biện pháp khắc phục khó khăn về tài chính và thông báo tình hình tài chính của Tổng công ty cho tất cả các chủ nợ biết.

6. Khi Tổng công ty không thanh toán đủ các khoản nợ và các nghĩa vụ tài sản khác đến hạn phải trả mà không thực hiện các quy định tại Khoản 5 Điều này thì Hội đồng thành viên, Tổng Giám đốc phải chịu trách nhiệm cá nhân về thiệt hại xảy ra đối với chủ nợ. Trường hợp Tổng Giám đốc không báo cáo Hội đồng thành viên thì Tổng Giám đốc phải chịu trách nhiệm cá nhân về thiệt hại xảy ra đối với chủ nợ.

7. Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm trước Hội đồng thành viên và trước pháp luật về điều hành hoạt động hàng ngày của Tổng công ty, về thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao.

8. Trường hợp Công ty lâm vào tình trạng phá sản mà Tổng Giám đốc không nộp đơn yêu cầu phá sản thì bị miễn nhiệm hoặc chấm dứt hợp đồng và chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật; nếu Tổng Giám đốc không nộp đơn mà Hội đồng thành viên không yêu cầu Tổng Giám đốc nộp đơn phá sản thì Hội đồng thành viên bị miễn nhiệm.

Điều 49. Mối quan hệ giữa Ban kiểm soát, Hội đồng thành viên và Tổng giám đốc

1. Hội đồng thành viên, Tổng Giám đốc phải gửi thông tin đến Ban kiểm soát cùng một thời điểm và phương thức đối với các nội dung liên quan đến việc thực hiện nhiệm vụ của Ban kiểm soát.

2. Hội đồng thành viên, Tổng Giám đốc và người quản lý khác của Tổng công ty phải đảm bảo để Ban kiểm soát thực hiện các quyền và trách nhiệm theo quy định tại Điều lệ này; thu xếp cơ sở vật chất và tạo điều kiện cho Ban kiểm soát tham gia các cuộc họp, tiếp cận các hồ sơ, tài liệu của Tổng công ty để thực hiện nhiệm vụ được giao.

3. Ban kiểm soát được tham gia các cuộc họp, được thông báo kết quả các cuộc họp do Hội đồng thành viên, Tổng Giám đốc chủ trì; các cuộc tham vấn và trao đổi chính thức và không chính thức của Ủy ban Quản lý vốn Nhà nước tại doanh nghiệp với Hội đồng thành viên, Tổng Giám đốc.

4. Hội đồng thành viên thông báo các Nghị quyết của Hội đồng thành viên cho Tổng Giám đốc cùng với Ban kiểm soát.

5. Ban kiểm soát có quyền chất vấn Hội đồng thành viên, Tổng Giám đốc về các kế hoạch, dự án, chương trình đầu tư phát triển và các quyết định khác trong quản lý điều hành Tổng công ty.

6. Các vấn đề Tổng Giám đốc phải báo cáo, cung cấp thông tin cho Hội đồng thành viên, đồng thời gửi cho Kiểm soát viên.

7. Phối hợp hoạt động quản lý, điều hành, kiểm tra, giám sát giữa các thành viên Hội đồng thành viên, các thành viên Ban Kiểm soát và Tổng Giám đốc theo các nhiệm vụ cụ thể:

a) Kiểm soát viên cần thể hiện tốt vai trò kiểm tra, giám sát và đánh giá toàn diện trước, trong và sau mọi hoạt động của Tổng công ty;

b) Tổng Giám đốc khi trình những vấn đề cần xin ý kiến Hội đồng thành viên, cũng đồng thời gửi cho Kiểm soát viên theo phương thức như đối với Hội đồng thành viên;

c) Phối hợp hoạt động giữa Hội đồng thành viên, Tổng Giám đốc và Kiểm soát viên để thực hiện kiểm tra, giám sát việc quản lý và sử dụng phần vốn của Tổng công ty đầu tư vào doanh nghiệp khác thông qua người đại diện phần vốn của Tổng công ty và các quyền của cổ đông, bên góp vốn theo quy định của Luật Doanh nghiệp và các văn bản pháp lý có liên quan;

d) Thẩm định báo cáo tài chính, báo cáo kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh của Tổng công ty.

8. Trường hợp Kiểm soát viên có dấu hiệu lợi dụng quyền hạn để gây cản trở cho hoạt động sản xuất, kinh doanh của Tổng công ty hoặc vi phạm các quy định của pháp luật, không thực hiện đúng chức năng nhiệm vụ được Ủy ban Quản lý

vốn Nhà nước tại doanh nghiệp giao, Hội đồng thành viên có quyền báo cáo Ủy ban Quản lý vốn Nhà nước tại doanh nghiệp và thông báo cho Kiểm soát viên biết. Sau khi nhận được báo cáo của Hội đồng thành viên, Ủy ban Quản lý vốn Nhà nước tại doanh nghiệp có trách nhiệm xem xét, kết luận và đưa ra biện pháp xử lý kịp thời.

9. Kiểm soát viên phải gửi các báo cáo thuộc trách nhiệm được giao đến Ủy ban Quản lý vốn Nhà nước tại doanh nghiệp và Hội đồng thành viên trừ trường hợp có quy định khác của Ủy ban Quản lý vốn Nhà nước tại doanh nghiệp. Trường hợp Hội đồng thành viên có ý kiến khác Kiểm soát viên thì trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày làm việc kể từ ngày nhận được báo cáo, Ủy ban Quản lý vốn Nhà nước tại doanh nghiệp có trách nhiệm trả lời đối với những vấn đề có ý kiến khác biệt.

10. Hội đồng thành viên, Kiểm soát viên và Tổng Giám đốc Công ty cần thường xuyên thông báo tình hình, kết quả hoạt động cho nhau.

Mục 5

NGƯỜI LAO ĐỘNG THAM GIA QUẢN LÝ TỔNG CÔNG TY

Điều 50. Người lao động tham gia quản lý Tổng công ty

Người lao động tham gia quản lý Tổng công ty thông qua:

1. Hội nghị người lao động

a) Hội nghị người lao động do Tổng công ty phối hợp với tổ chức công đoàn hoặc nhóm đại diện đối thoại của người lao động (nếu có) tổ chức hằng năm theo hình thức hội nghị toàn thể hoặc hội nghị đại biểu;

b) Nội dung hội nghị người lao động thực hiện theo quy định tại Điều 64 của Bộ luật Lao động và các nội dung khác do hai bên thỏa thuận;

c) Hình thức tổ chức hội nghị, nội dung, thành phần tham gia, thời gian, địa điểm, quy trình, trách nhiệm tổ chức thực hiện và hình thức phổ biến kết quả hội nghị người lao động thực hiện theo quy chế dân chủ ở cơ sở tại nơi làm việc.

2. Quy chế dân chủ ở cơ sở tại nơi làm việc

a) Tổng công ty có trách nhiệm ban hành quy chế dân chủ ở cơ sở tại nơi làm việc để thực hiện các nội dung quy định về đối thoại tại nơi làm việc và thực hiện dân chủ ở cơ sở tại nơi làm việc theo quy định.

b) Khi xây dựng, sửa đổi, bổ sung quy chế dân chủ ở cơ sở tại nơi làm việc, Tổng công ty phải tham khảo ý kiến của tổ chức công đoàn và nhóm đại diện đối thoại của người lao động (nếu có) để hoàn thiện và ban hành. Đối với những góp

ý của tổ chức công đoàn và nhóm đại diện đối thoại của người lao động mà người sử dụng lao động không tiếp thu thì phải nêu rõ lý do.

c) Quy chế dân chủ ở cơ sở tại nơi làm việc phải được phổ biến công khai tới người lao động.

Điều 51. Nội dung, hình thức tham gia ý kiến của người lao động

1. Người lao động được tham gia ý kiến về những nội dung sau:

a) Xây dựng, sửa đổi, bổ sung nội quy, quy chế và các văn bản quy định khác của người sử dụng lao động liên quan đến quyền, nghĩa vụ và lợi ích của người lao động;

b) Xây dựng, sửa đổi, bổ sung thang lương, bảng lương, định mức lao động; đề xuất nội dung thương lượng tập thể;

c) Đề xuất, thực hiện giải pháp tiết kiệm chi phí, nâng cao năng suất lao động, cải thiện điều kiện làm việc, bảo vệ môi trường, phòng chống cháy nổ;

d) Nội dung khác liên quan đến quyền, nghĩa vụ và lợi ích của người lao động theo quy định của pháp luật.

2. Những nội dung quy định tại khoản 1 Điều này mà pháp luật quy định cụ thể hình thức người lao động tham gia ý kiến thì thực hiện theo quy định đó; trường hợp pháp luật không quy định cụ thể hình thức thì người lao động căn cứ vào đặc điểm sản xuất, kinh doanh, tổ chức lao động, nội dung người lao động được tham gia ý kiến và quy chế dân chủ ở cơ sở tại nơi làm việc để lựa chọn hình thức sau đây:

a) Tham gia ý kiến trực tiếp hoặc thông qua tổ chức đại diện người lao động tại cơ sở, nhóm đại diện đối thoại của người lao động tại hội nghị người lao động, đối thoại tại nơi làm việc;

b) Gửi góp ý, kiến nghị trực tiếp;

c) Hình thức khác mà pháp luật không cấm.

3. Người lao động được quyết định những nội dung sau:

a) Giao kết, sửa đổi, bổ sung, chấm dứt hợp đồng lao động theo quy định của pháp luật;

b) Gia nhập hoặc không gia nhập tổ chức đại diện người lao động tại cơ sở;

c) Tham gia hoặc không tham gia đình công theo quy định của pháp luật;

d) Biểu quyết nội dung thương lượng tập thể đã đạt được để ký kết thỏa ước lao động tập thể theo quy định của pháp luật;

đ) Nội dung khác theo quy định của pháp luật hoặc theo thỏa thuận của các bên.

4. Hình thức quyết định của người lao động thực hiện theo quy định của pháp luật.

4. Người lao động được kiểm tra, giám sát những nội dung sau:

a) Việc thực hiện hợp đồng lao động và thỏa ước lao động tập thể;

b) Việc thực hiện nội quy lao động, quy chế và các văn bản quy định khác của người sử dụng lao động liên quan đến quyền, nghĩa vụ và lợi ích của người lao động;

c) Việc sử dụng quỹ khen thưởng, quỹ phúc lợi, các quỹ do người lao động đóng góp;

d) Việc trích nộp kinh phí công đoàn, đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp của người sử dụng lao động;

đ) Việc thực hiện thi đua, khen thưởng, kỷ luật, giải quyết khiếu nại, tố cáo liên quan đến quyền, nghĩa vụ và lợi ích của người lao động.

5. Hình thức kiểm tra, giám sát của người lao động thực hiện theo quy định của pháp luật

6. Người lao động thực hiện quyền kiến nghị, khiếu nại và tố cáo theo quy định của pháp luật.

Chương VI

TÀI CHÍNH TỔNG CÔNG TY

Điều 52. Tiền lương, thù lao, tiền thưởng Hội đồng thành viên, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng

1. Tiền lương, tiền thưởng của Hội đồng thành viên, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng chuyên trách được xác định và trả theo hiệu quả sản xuất kinh doanh, kết quả quản lý điều hành có không chế mức tối đa và đảm bảo tương quan hợp lý với tiền lương của người lao động trong Tổng công ty.

2. Quỹ tiền lương, thù lao, tiền thưởng của Hội đồng thành viên, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng được xác định theo năm, tách riêng với quỹ tiền lương, tiền thưởng của người lao động; do Tổng công ty xây dựng và trình Ủy ban Quản lý vốn Nhà nước tại doanh nghiệp (không bao gồm tiền lương của Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng làm việc theo hợp đồng lao động).

3. Chế độ chi trả tiền lương, tiền thưởng như sau:

a) Hàng tháng, Hội đồng thành viên, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng được tạm ứng 80% của số tiền lương tạm tính cho tháng đó; số 20% còn lại chỉ được quyết toán và chi trả vào cuối năm.

b) Tiền thưởng được chi trả cho Hội đồng thành viên, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng căn cứ vào Quy chế quản lý tài chính của Công ty và các quy định khác của pháp luật, trong đó 90% tiền thưởng được thưởng vào cuối năm, 10% còn lại thưởng khi kết thúc nhiệm kỳ.

Điều 53. Quản lý vốn, tài sản, doanh thu, chi phí, giá thành và phân phối lợi nhuận của Tổng công ty

1. Việc quản lý vốn, tài sản, doanh thu, chi phí, giá thành, lợi nhuận và phân phối lợi nhuận, trích lập và sử dụng các quỹ, xử lý lỗ trong kinh doanh thực hiện theo quy định của pháp luật, được cụ thể trong Quy chế tài chính Tổng công ty.

2. Nội dung Quy chế tài chính Tổng công ty được xây dựng trên nguyên tắc quản lý đối với công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên thuộc sở hữu Nhà nước.

Quy chế tài chính tối thiểu phải có các nội dung sau:

- a) Vốn điều lệ và tăng vốn điều lệ;
- b) Quyền và nghĩa vụ của Tổng công ty trong việc quản lý, sử dụng vốn, quỹ;
- c) Đầu tư vốn ra ngoài Tổng công ty;
- d) Chuyển nhượng vốn đầu tư ra ngoài Tổng công ty;
- đ) Quản lý tài sản cố định, công nợ; kiểm kê, xử lý tổn thất tài sản, đánh giá lại tài sản;
- e) Quản lý doanh thu, chi phí, giá thành; lợi nhuận và phân phối lợi nhuận, sử dụng các quỹ;
- g) Công tác kế hoạch tài chính, kế toán, kiểm toán;
- h) Mối quan hệ tài chính giữa Tổng công ty với các công ty con, công ty liên kết;
- i) Các nội dung cần thiết khác (nếu có).

3. Tổng công ty có trách nhiệm xây dựng và ban hành các quy chế tài chính áp dụng cho các đơn vị phụ thuộc Tổng công ty theo quy định của pháp luật.

Điều 54. Tài chính, kế toán, kiểm toán, thanh tra

1. Năm tài chính của Tổng công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12 dương lịch hàng năm.

2. Tổng công ty xây dựng kế hoạch tài chính hàng năm trên cơ sở kế hoạch sản xuất, kinh doanh hàng năm và dài hạn của Tổng công ty.

Trước ngày 31 tháng 11 hàng năm, Tổng giám đốc phải trình Hội đồng thành viên kế hoạch sản xuất, kinh doanh năm sau của Tổng công ty để báo cáo Ủy ban Quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp thông qua trước khi Hội đồng thành viên phê duyệt.

3. Tổng công ty lập và gửi báo cáo tài chính theo quy định của Luật Kế toán, Luật Quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất kinh doanh tại doanh nghiệp, các quy định pháp luật khác có liên quan và yêu cầu của Ủy ban Quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp.

4. Báo cáo tài chính quý, 6 tháng, 9 tháng được lập và gửi cho các cơ quan có liên quan và chủ sở hữu theo quy định của Luật Kế toán.

5. Trong trường hợp cần thiết chủ sở hữu có quyền yêu cầu Tổng công ty gửi bổ sung các báo cáo, tài liệu, thuyết minh chi tiết các chỉ tiêu tổng hợp trong báo cáo tài chính nêu trên.

6. Tổng công ty chịu trách nhiệm trước pháp luật và trước chủ sở hữu về tính chính xác, trung thực của báo cáo quyết toán năm của Tổng công ty; phương án sử dụng lợi nhuận sau thuế, các nghĩa vụ tài chính của Tổng công ty; phương án xử lý các khoản lỗ, xử lý tổn thất tài sản của Tổng công ty.

7. Tổng công ty thực hiện công tác kiểm soát nội bộ theo quy định của pháp luật. Mục tiêu của công tác kiểm soát nội bộ nhằm phục vụ công tác điều hành của Tổng giám đốc và công tác kiểm tra, giám sát hoạt động điều hành Tổng công ty của Hội đồng thành viên.

8. Tổng công ty thực hiện công khai tài chính theo quy định của pháp luật; Hội đồng thành viên chủ trì và tổ chức thực hiện việc công khai báo cáo tài chính năm của Tổng công ty; Tổng giám đốc trực tiếp thực hiện việc công khai.

9. Tổng công ty thực hiện công tác kế toán, thống kê theo quy định của pháp luật về kế toán và thống kê.

10. Trong quá trình hoạt động, Tổng công ty có trách nhiệm chấp hành, chịu sự thanh tra, kiểm tra, kiểm toán của cơ quan nhà nước có thẩm quyền và của chủ sở hữu.

Chương VII

ĐẦU TƯ VỐN TẠI DOANH NGHIỆP KHÁC, NGƯỜI ĐẠI DIỆN PHẦN VỐN VÀ LIÊN KẾT TỔNG CÔNG TY

Mục 1

ĐẦU TƯ VỐN TẠI DOANH NGHIỆP KHÁC

Điều 55. Đầu tư vốn ra ngoài Tổng công ty

1. Tổng công ty được quyền sử dụng tài sản (gồm tiền, tài sản cố định, tài sản lưu động và các tài sản khác) thuộc quyền quản lý của Tổng công ty để đầu tư vốn ra ngoài Tổng công ty theo quy định của pháp luật.

Việc thực hiện đầu tư vốn ra ngoài doanh nghiệp của Tổng công ty thực hiện theo quy định tại Điều 27 Nghị định này; trong đó việc đầu tư vốn ra ngoài Tổng công ty liên quan đến đất đai phải tuân thủ quy định của pháp luật về đất đai.

2. Việc đầu tư vốn ra ngoài Tổng công ty phải tuân thủ theo quy định của pháp luật, phù hợp với chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển của Tổng công ty, không làm ảnh hưởng đến việc thực hiện các nhiệm vụ sản xuất, kinh doanh của Tổng công ty được chủ sở hữu giao và đảm bảo nguyên tắc có hiệu quả, bảo toàn và phát triển vốn đầu tư.

3. Tổng công ty không được tham gia góp vốn mua cổ phần của các doanh nghiệp khác mà người quản lý, điều hành hoặc người sở hữu chính của doanh nghiệp này là vợ hoặc chồng, bố, bố nuôi, mẹ, mẹ nuôi, con, con nuôi, anh, chị em ruột; bố mẹ của vợ (chồng), anh chị em ruột của vợ (chồng) của thành viên Hội đồng thành viên, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc và Kế toán trưởng Tổng công ty.

4. Việc đầu tư vốn ra ngoài Tổng công ty thực hiện theo các hình thức do pháp luật quy định. Thẩm quyền quyết định đầu tư thực hiện theo quy định của pháp luật và tại Điều lệ này.

5. Ngoài các trường hợp không được góp vốn theo quy định tại khoản 3 Điều này, Tổng công ty bị hạn chế các khoản đầu tư sau:

a) Công ty con do công ty mẹ nắm giữ 100% vốn điều lệ không được góp vốn cùng công ty mẹ để thành lập doanh nghiệp mới; không được góp vốn mua cổ phần khi cổ phần hóa công ty khác trong cùng Tổng công ty hoặc tổ hợp công ty mẹ - công ty con;

b) Góp vốn cùng công ty con để thực hiện hợp đồng hợp tác kinh doanh;

6. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

Điều 56. Quyền, trách nhiệm và nghĩa vụ của Tổng công ty đối với công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Tổng công ty làm chủ sở hữu

1. Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên được tổ chức và hoạt động theo Luật Doanh nghiệp và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

2. Tổng công ty là chủ sở hữu đối với công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên thuộc Tổng công ty. Hội đồng thành viên Tổng công ty thực hiện các quyền của chủ sở hữu đối với công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên:

a) Quyết định thành lập, mục tiêu, nhiệm vụ và ngành, nghề kinh doanh; tổ chức lại, chuyển đổi sở hữu, giải thể và yêu cầu phá sản sau khi Ủy ban Quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp trình và được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt;

b) Phê duyệt Điều lệ, sửa đổi và bổ sung Điều lệ;

c) Quyết định vốn điều lệ khi thành lập và điều chỉnh vốn điều lệ trong quá trình hoạt động của công ty; quyết định chuyển nhượng một phần hoặc toàn bộ vốn điều lệ công ty cho tổ chức, cá nhân khác theo quy định của pháp luật sau khi được Ủy ban Quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp chấp thuận;

d) Quyết định bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, từ chức, khen thưởng, kỷ luật Chủ tịch và thành viên Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty, Giám đốc, Kiểm soát viên của công ty; chấp thuận để Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty bổ nhiệm Giám đốc, Kế toán trưởng công ty theo đề nghị của Giám đốc Công ty;

đ) Phê duyệt chiến lược, kế hoạch sản xuất kinh doanh hằng năm và kế hoạch đầu tư phát triển 5 năm của công ty;

e) Phê duyệt chủ trương huy động vốn, mua, bán tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 50% vốn chủ sở hữu của công ty ghi trên báo cáo tài chính quý, hoặc báo cáo tài chính năm tại thời điểm gần nhất với thời điểm huy động vốn hoặc một tỷ lệ khác nhỏ hơn do Tổng công ty quy định;

g) Phê duyệt báo cáo tài chính hàng năm, phân phối lợi nhuận, trích lập và sử dụng các quỹ của công ty;

h) Các quyền khác theo quy định của chủ sở hữu và quy định tại Điều lệ của công ty.

3. Hội đồng thành viên Tổng công ty thực hiện các nghĩa vụ của chủ sở hữu đối với công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên:

a) Góp vốn đầy đủ và đúng hạn như cam kết; trường hợp không góp đủ và đúng hạn số vốn đã cam kết thì phải chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của công ty trong phạm vi vốn cam kết;

b) Tuân thủ Điều lệ của công ty;

c) Chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của công ty trong phạm vi vốn điều lệ của công ty; xác định và tách biệt tài sản của Tổng công ty với tài sản của công ty;

d) Tuân thủ quy định của pháp luật về hợp đồng và pháp luật có liên quan trong việc mua, bán, huy động vốn, thuê, cho thuê và các giao dịch khác giữa công ty với Tổng công ty;

đ) Tuân thủ pháp luật khi phê duyệt chủ trương đầu tư; mua, bán tài sản và hợp đồng huy động vốn của công ty;

- e) Bảo đảm quyền kinh doanh theo pháp luật của công ty;
- g) Thực hiện các nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và pháp luật có liên quan.

Điều 57. Quyền, trách nhiệm của Tổng công ty đối với công ty con là công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên có cổ phần, vốn góp chi phối của Tổng công ty

1. Công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, công ty ở nước ngoài có cổ phần, vốn góp chi phối của Tổng công ty được thành lập, tổ chức và hoạt động theo Luật Doanh nghiệp và các quy định có liên quan.
2. Công ty con khi sử dụng thương hiệu, biểu tượng của Tổng công ty phải có sự đồng ý của Tổng công ty về nội dung, mục đích, phạm vi, thời hạn sử dụng, giá trị của thương hiệu, biểu tượng.
3. Hội đồng thành viên Tổng công ty thực hiện quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm chủ sở hữu của cổ đông hoặc thành viên góp vốn tại công ty con theo quy định của pháp luật và Điều lệ của công ty đó.
4. Hội đồng thành viên Tổng công ty thực hiện quyền và nghĩa vụ chủ sở hữu của cổ đông, thành viên góp vốn theo quy định tại Quy chế hoạt động của người đại diện theo ủy quyền đối với phần vốn góp của Tổng công ty đầu tư tại doanh nghiệp khác do Hội đồng thành viên ban hành.
5. Công ty con có quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm đối với Tổng công ty theo quy định của pháp luật và Điều lệ của công ty con.

Điều 58. Quyền và nghĩa vụ của Tổng công ty đối với công ty liên kết

1. Công ty liên kết khi sử dụng thương hiệu, biểu tượng của Tổng công ty phải có sự đồng ý bằng văn bản của Tổng công ty về nội dung, mục đích, phạm vi, thời hạn sử dụng, giá trị của thương hiệu, biểu tượng.
2. Hội đồng thành viên Tổng công ty thực hiện quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm chủ sở hữu của cổ đông hoặc thành viên góp vốn tại công ty liên kết theo quy định của pháp luật và Điều lệ của công ty đó.
3. Hội đồng thành viên Tổng công ty thực hiện quyền và nghĩa vụ chủ sở hữu của cổ đông, thành viên góp vốn, bên liên doanh thông qua người đại diện phần vốn của Tổng công ty ở doanh nghiệp đó theo quy định tại Quy chế quản lý vốn đầu tư của Tổng công ty tại doanh nghiệp khác do Hội đồng thành viên Tổng công ty ban hành.
4. Công ty liên kết có quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm đối với Tổng công ty theo quy định của pháp luật và Điều lệ của công ty liên kết.

Điều 59. Quan hệ giữa Tổng công ty với công ty tự nguyện tham gia liên kết

1. Công ty tự nguyện tham gia liên kết với Tổng công ty khi sử dụng thương hiệu, biểu tượng của Tổng công ty phải có sự đồng ý bằng văn bản của Tổng công ty về nội dung, mục đích, phạm vi, thời hạn sử dụng, giá trị của thương hiệu, biểu tượng.

2. Tổng công ty và công ty tự nguyện tham gia liên kết chịu sự ràng buộc thông qua thỏa thuận hợp đồng về thương hiệu, thị trường, công nghệ, nghiên cứu, đào tạo và phát triển nguồn nhân lực và các thỏa thuận khác theo quy định của pháp luật.

Mục 2 NGƯỜI ĐẠI DIỆN PHẦN VỐN

Điều 60. Người đại diện phần vốn

1. Người đại diện phần vốn do Hội đồng thành viên Tổng công ty bổ nhiệm, miễn nhiệm, thay thế hoặc ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng theo đề nghị của Tổng giám đốc. Nhiệm kỳ của người đại diện phần vốn không quá 05 năm và phù hợp với nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng thành viên, hoặc Chủ tịch công ty hoặc thành viên Hội đồng quản trị hoặc thành viên Ban kiểm soát của doanh nghiệp khác. Người đại diện phần vốn có thể bổ nhiệm hoặc ký hợp đồng lại.

2. Trường hợp Tổng công ty đồng thời cử nhiều người đại diện phần vốn tại một doanh nghiệp thì phải quy định cụ thể tỷ lệ vốn góp cho người nắm giữ và phân công người phụ trách chung.

3. Người đại diện phần vốn được tham gia ứng cử vào Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên, Chủ tịch Công ty, Tổng giám đốc, Giám đốc của các doanh nghiệp có vốn góp của Tổng công ty mà người đó được giao trực tiếp quản lý phần vốn góp phải có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định của pháp luật, Điều lệ của công ty đó.

Điều 61. Quyền, trách nhiệm, nghĩa vụ của người đại diện phần vốn

1. Quyền, trách nhiệm, nghĩa vụ của người đại diện phần vốn tại các doanh nghiệp mà Tổng công ty nắm giữ trên 50% vốn điều lệ được thực hiện theo các quy định của pháp luật và Quy chế quản lý vốn của Tổng công ty tại doanh nghiệp khác, Quy chế hoạt động của người đại diện theo ủy quyền đối với phần vốn góp của Tổng công ty đầu tư tại doanh nghiệp khác do Hội đồng thành viên Tổng công ty ban hành.

2. Quyền, trách nhiệm, nghĩa vụ của người đại diện phần vốn tại các công ty mà Tổng công ty nắm giữ không quá 50% vốn điều lệ được thực hiện theo các quy định của pháp luật và Quy chế quản lý vốn của Tổng công ty tại doanh nghiệp khác.

3. Có các quyền, trách nhiệm và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

Điều 62. Tiêu chuẩn của Người đại diện phần vốn

Người đại diện phần vốn của Tổng công ty tại doanh nghiệp khác phải có đủ các tiêu chuẩn, điều kiện sau đây:

1. Là công dân Việt Nam, thường trú tại Việt Nam.
2. Có phẩm chất chính trị, đạo đức, năng lực, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ phù hợp với yêu cầu của vị trí chức danh được cử làm đại diện.
3. Đủ năng lực hành vi dân sự; đủ sức khỏe để hoàn thành nhiệm vụ được giao.
4. Hiểu biết pháp luật, có ý thức chấp hành pháp luật.
5. Không thuộc một trong các trường hợp như:
 - a) Đang trong thời gian bị cấm đảm nhiệm chức vụ, chức danh;
 - b) Đang trong thời gian bị xem xét xử lý kỷ luật, điều tra, truy tố, xét xử;
 - c) Đang trong thời gian thi hành quyết định kỷ luật từ khiển trách trở lên.
6. Không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp.
7. Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản lý kinh doanh hoặc trong ngành, nghề kinh doanh chủ yếu của công ty.
8. Không là cha, cha nuôi, mẹ, mẹ nuôi, vợ hoặc chồng, con, con nuôi, anh, chị, em ruột, anh, em rể, chị, em dâu của thành viên Hội đồng thành viên, Chủ tịch công ty, Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc hoặc Giám đốc, Phó Tổng giám đốc hoặc Phó Giám đốc, Kế toán trưởng của doanh nghiệp có vốn đầu tư của Tổng công ty.
9. Không có quan hệ góp vốn thành lập doanh nghiệp, cho vay vốn, ký kết hợp đồng mua bán với các doanh nghiệp có vốn đầu tư của Tổng công ty, trừ trường hợp có cả phần ở công ty được cổ phần hóa.

Điều 63. Thôi làm người đại diện phần vốn

1. Người đại diện phần vốn được cho thôi làm đại diện phần vốn, khen thưởng, kỷ luật theo các quy định tại Nghị định số 159/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ về quản lý người giữ chức danh, chức vụ và người đại diện phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp.

2. Người đại diện đề nghị được thôi làm đại diện nhưng chưa được Tổng công ty đồng ý thì vẫn phải tiếp tục thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của mình.

Điều 64. Tiền lương, thưởng và quyền lợi của Người đại diện phần vốn

1. Người đại diện phần vốn hưởng chế độ thù lao, lương, thưởng, phụ cấp trách nhiệm theo quyết định của Hội đồng thành viên đối với từng trường hợp cụ thể, căn cứ vào hiệu quả quản lý của người đại diện phần vốn. Việc đánh giá kết quả, hiệu quả hoạt động của người đại diện phần vốn thực hiện theo Quy chế quản lý người đại diện phần vốn của Tổng công ty ở doanh nghiệp khác; việc trả lương, thưởng hoặc thù lao, phụ cấp thực hiện theo Quy chế quản lý nội bộ của Tổng công ty, phù hợp với quy định của pháp luật và được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

2. Tiền lương, thưởng và quyền lợi của người đại diện phần vốn trong các trường hợp:

a) Người đại diện phần vốn đầu tư tại doanh nghiệp khác là thành viên chuyên trách trong ban quản lý, điều hành hoặc là người lao động doanh nghiệp khác được hưởng lương, phụ cấp trách nhiệm (nếu có), tiền thưởng và các quyền lợi khác theo quy định tại Điều lệ doanh nghiệp đó và do doanh nghiệp đó trả. Ngoài ra còn được hưởng tiền phụ cấp người đại diện do Tổng công ty chi trả theo quy định. Nguồn phụ cấp người đại diện phần vốn được lấy từ lợi nhuận được chia từ vốn đầu tư góp vào doanh nghiệp khác;

b) Người đại diện phần vốn là thành viên kiêm nhiệm không tham gia chuyên trách trong bộ máy quản lý, điều hành doanh nghiệp khác thì tiền lương, phụ cấp trách nhiệm (nếu có), tiền thưởng và các quyền lợi khác theo quy định do Tổng công ty chi trả. Ngoài ra còn được hưởng tiền phụ cấp người đại diện phần vốn do Tổng công ty chi trả theo quy định.

Trường hợp người đại diện phần vốn được các doanh nghiệp khác trả thù lao thì người đại diện phần vốn có trách nhiệm nộp các khoản thù lao trên cho Tổng công ty.

3. Khi được quyền mua cổ phiếu phát hành thêm, trái phiếu chuyển đổi theo quyết định của công ty cổ phần có cổ phần của Tổng công ty (trừ trường hợp được mua theo quyền của cổ đông hiện hữu) thì Người đại diện phần vốn phải báo cáo bằng văn bản cho Tổng công ty. Tổng công ty quyết định bằng văn bản số lượng cổ phần người đại diện phần vốn được mua theo mức độ đóng góp và kết quả thực hiện nhiệm vụ của người đại diện phần vốn. Phần còn lại thuộc quyền mua của Tổng công ty.

Trường hợp được cử làm đại diện phần vốn đầu tư tại nhiều doanh nghiệp thì Người đại diện phần vốn được ưu tiên lựa chọn thực hiện quyền mua tại một

đơn vị và có trách nhiệm chuyển phần quyền mua cổ phần ở các doanh nghiệp còn lại cho Tổng công ty.

Trường hợp Người đại diện phần vốn không báo cáo về việc được quyền mua cổ phiếu, trái phiếu chuyển đổi tại công ty cổ phần có cổ phần của Tổng công ty thì bị xem xét miễn nhiệm tư cách Người đại diện phần vốn và phải chuyển nhượng lại cho Tổng công ty số cổ phiếu, trái phiếu chuyển đổi được mua trái với quy định theo giá được mua tại thời điểm phát hành. Trường hợp Người đại diện phần vốn đã bán cổ phiếu này thì phải nộp lại cho Tổng công ty phần chênh lệch giữa giá bán cổ phiếu theo giá thị trường tại thời điểm bán với giá mua và chi phí (nếu có).

4. Người đại diện phần vốn có nghĩa vụ, trách nhiệm theo quy định của pháp luật, Quy chế quản lý người đại diện phần vốn của Tổng công ty đã được phê duyệt; trường hợp người đại diện phần vốn vi phạm quy chế, nội dung thỏa thuận làm tổn hại đến lợi ích của Nhà nước, của Tổng công ty thì Hội đồng thành viên, Tổng giám đốc Tổng công ty có quyền xử lý kỷ luật; trường hợp vi phạm nghiêm trọng đến mức phải truy cứu trách nhiệm hình sự thì đưa ra pháp luật xử lý theo quy định của pháp luật.

Chương VIII

TỔ CHỨC LẠI, CHUYỂN ĐỔI SỞ HỮU, GIẢI THỂ, PHÁ SẢN TỔNG CÔNG TY

Điều 65. Tổ chức lại Tổng công ty

1. Tổng công ty có thể được tổ chức lại theo các hình thức: Sáp nhập, hợp nhất, chia, tách và các hình thức khác theo quy định của pháp luật.

2. Việc tổ chức lại Tổng công ty tiến hành theo quy định của Luật Doanh nghiệp và pháp luật có liên quan.

Điều 66. Chuyển đổi sở hữu Tổng công ty

1. Tổng công ty chuyển đổi sở hữu theo các hình thức sau:

- a) Cổ phần hóa toàn bộ hoặc một bộ phận của Tổng công ty;
- b) Chuyển đổi thành công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên;
- c) Các hình thức khác theo quy định của pháp luật.

2. Khi có quyết định chuyển đổi sở hữu, Tổng công ty tiến hành chuyển đổi theo trình tự, thủ tục quy định của Luật Doanh nghiệp và pháp luật có liên quan về chuyển đổi sở hữu.

Điều 67. Chuyển giao Công ty

Ủy ban Quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp thực hiện chuyển giao vốn Nhà nước tại Công ty cho cơ quan đại diện Chủ sở hữu khác theo quy định của Thủ tướng Chính phủ.

Điều 68. Giải thể Tổng công ty

1. Tổng công ty bị xem xét giải thể trong các trường hợp sau:

- a) Bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp;
- b) Tiếp tục duy trì Tổng công ty là không cần thiết.
- c) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

2. Tổng công ty chỉ được giải thể khi đảm bảo thanh toán hết các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác.

3. Việc giải thể Tổng công ty phải phù hợp với Quyết định phê duyệt đề án tổng thể sắp xếp, đổi mới doanh nghiệp nhà nước của Thủ tướng Chính phủ; trường hợp việc giải thể Tổng công ty chưa được quy định tại Quyết định của Thủ tướng Chính phủ thì Ủy ban Quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp phải trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định.

4. Trình tự, thủ tục giải thể và thanh lý tài sản Tổng công ty được thực hiện theo các quy định của pháp luật.

Điều 69. Phá sản Tổng công ty

Việc phá sản Tổng công ty được thực hiện theo các điều kiện và thủ tục quy định tại Luật phá sản.

Chương IX **CHẾ ĐỘ BÁO CÁO, CÔNG KHAI THÔNG TIN**

Điều 70. Công khai thông tin

1. Định kỳ Tổng công ty công bố các thông tin theo quy định tại Điều 23 Nghị định số 47/2021/NĐ-CP ngày 01/4/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Doanh nghiệp trên trang thông tin điện tử của Tổng công ty, cổng hoặc trang thông tin điện tử của Ủy ban Quản lý vốn Nhà nước tại doanh nghiệp và Bộ Kế hoạch và Đầu tư

2. Việc công bố thông tin của Tổng công ty phải đầy đủ, chính xác và kịp thời theo quy định của pháp luật nhằm bảo đảm yêu cầu công khai, minh bạch về hoạt động của Tổng công ty; bảo đảm tính hiệu quả, hiệu lực trong hoạt động quản lý và giám sát của cơ quan Nhà nước và xã hội.

3. Việc công bố thông tin do Người đại diện theo pháp luật của Tổng công ty hoặc người được ủy quyền công bố thông tin thực hiện. Người công bố thông tin chịu trách nhiệm về tính đầy đủ, kịp thời, trung thực và chính xác của thông tin được công bố.

4. Công bố bất thường: Tổng công ty phải công bố trên trang thông tin điện tử, ấn phẩm (nếu có) và niêm yết công khai tại trụ sở chính, địa điểm kinh doanh của công ty và gửi cơ quan đại diện chủ sở hữu về các thông tin bất thường trong thời hạn 36 giờ kể từ khi xảy ra một trong các sự kiện quy định tại khoản 1 Điều 110 Luật Doanh nghiệp.

5. Nội dung, biểu mẫu công bố thông tin thực hiện theo quy định tại Nghị định số 47/2021/NĐ-CP ngày 01/4/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Doanh nghiệp và các sửa đổi bổ sung nếu có.

6. Tổng công ty xây dựng Quy chế công bố thông tin của doanh nghiệp theo quy định của pháp luật bao gồm các nội dung về thẩm quyền, trách nhiệm, phân công nhiệm vụ của các cá nhân, bộ phận liên quan.

Điều 71. Trách nhiệm báo cáo và thông tin

1. Tổng Giám đốc có trách nhiệm gửi Hội đồng thành viên những tài liệu sau đây theo định kỳ hàng quý:

- a) Báo cáo về tình hình kinh doanh;
- b) Báo cáo tài chính;
- c) Báo cáo đánh giá công tác quản lý, điều hành Tổng công ty;
- d) Báo cáo khác theo quy định.

2. Hội đồng thành viên có quyền yêu cầu Tổng Giám đốc, Người quản lý cung cấp hồ sơ, tài liệu liên quan đến các hoạt động sản xuất của đơn vị. Người được yêu cầu cung cấp thông tin, tài liệu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác các nội dung theo yêu cầu.

3. Tổng Giám đốc là người chịu trách nhiệm tổ chức việc lưu giữ và bảo mật hồ sơ, tài liệu của Tổng công ty.

Điều 72. Báo cáo và thông tin cho chủ sở hữu

1. Hội đồng thành viên lập và gửi Ủy ban Quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp những tài liệu sau đây:

- a) Báo cáo về tình hình kinh doanh của Tổng công ty;
- b) Báo cáo tài chính của Tổng công ty;

c) Báo cáo về thực hiện chức năng, nhiệm vụ của Hội đồng thành viên về kết quả thực hiện các nhiệm vụ được uỷ quyền hoặc ghi tại quyết định bổ nhiệm (nếu có);

d) Các báo cáo, tài liệu khác theo quy định của Điều lệ này và pháp luật về chế độ thông tin, báo cáo của Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu.

2. Ban Kiểm soát trình Ủy ban Quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp:

a) Báo cáo kết quả kiểm tra tính hợp pháp, trung thực, cẩn trọng của Hội đồng thành viên, Tổng Giám đốc Tổng công ty trong việc tổ chức thực hiện quyền của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và điều hành hoạt động kinh doanh của Tổng công ty;

b) Báo cáo kết quả thẩm định Báo cáo tài chính, Báo cáo về tình hình kinh doanh, Báo cáo xác định quỹ tiền lương thực hiện;

c) Báo cáo về đánh giá công tác quản lý và các tài liệu khác theo quy định của Điều lệ này và pháp luật về chế độ thông tin, báo cáo của Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước làm Chủ sở hữu.

3. Hội đồng thành viên, Ban Kiểm soát phải gửi báo cáo định kỳ mỗi quý một lần. Trường hợp đột xuất, Ủy ban Quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp có quyền yêu cầu bằng văn bản Hội đồng thành viên, Kiểm soát viên phải báo cáo hoặc cung cấp bất kỳ hồ sơ, tài liệu nào theo yêu cầu hợp pháp của Ủy ban Quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp.

Chương X

SỬA ĐỔI, BỔ SUNG ĐIỀU LỆ, GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ VÀ ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 73. Sửa đổi, bổ sung Điều lệ Tổng công ty

Chính phủ quyết định việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ này theo đề nghị của cơ quan nhà nước có thẩm quyền trên cơ sở đề xuất của Ủy ban Quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp

Điều 74. Giải quyết tranh chấp nội bộ

Việc giải quyết tranh chấp nội bộ của Tổng công ty được thực hiện trên nguyên tắc thương lượng, hòa giải. Trường hợp thương lượng, hòa giải không thành thì các bên đưa ra các cơ quan có thẩm quyền về giải quyết tranh chấp để giải quyết.

Điều 75. Quản lý con dấu của Tổng công ty

1. Hội đồng thành viên quyết định thông qua con dấu chính thức của Tổng công ty. Con dấu được khắc theo quy định của pháp luật.
2. Hội đồng thành viên, Tổng giám đốc quản lý và sử dụng con dấu theo quy định của pháp luật.

Điều 76. Hiệu lực thi hành

1. Sau khi Điều lệ này có hiệu lực thi hành, Tổng công ty căn cứ vào Điều lệ này và các quy định của pháp luật tương ứng để xây dựng các quy chế nội bộ; Điều lệ hoặc Quy chế tổ chức và hoạt động của các đơn vị phụ thuộc, các công ty con trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.

2. Điều lệ hoặc quy chế tổ chức và hoạt động của đơn vị thành viên, đơn vị phụ thuộc, các quy chế nội bộ của Tổng công ty không được trái với các nội dung của Điều lệ này.

3. Trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Tổng công ty chưa quy định tại Điều lệ này hoặc trong trường hợp các quy định mới của pháp luật khác với những quy định tại Điều lệ thì phải thực hiện theo quy định của pháp luật.

Các từ ngữ và thuật ngữ khác không được giải thích trong Điều lệ này nhưng đã được giải thích tại các văn bản quy phạm pháp luật khác thì có nghĩa như trong văn bản pháp luật đó.

Các tham chiếu của Điều lệ này tới quy định của văn bản khác sẽ bao gồm cả những sửa đổi hoặc văn bản thay thế các văn bản đó.

4. Chủ sở hữu, Tổng công ty và các tổ chức, cá nhân có liên quan có trách nhiệm tuân thủ các quy định của Điều lệ này./.